BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

ISO 9001:2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÙI NGUYỄN

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY

NGÀNH: KẾ TOÁN – KIỂM TOÁN

Sinh viên : Nguyễn Phương Thảo

Giảng viên hướng dẫn: Th.s Nguyễn Thị Mai Linh

HẢI PHÒNG - 2017

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Nguyễn Phương Thảo Mã SV: 1312401090

Lớp: QT1702K Ngành: Kế toán – Kiểm toán

Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH Thương Mại Bùi Nguyễn

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp (về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Khái quát hoá những vấn đề lý luận cơ bản về tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.
- Phản ánh được thực trạng tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn.
- Đánh giá được ưu điểm, nhược điểm của tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn, trên cơ sở đó đề xuất những giải pháp hoàn thiện.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

- Sử dụng số liệu năm 2016

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Nguyễn Thị Mai Linh

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày tháng năm 2017

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày tháng năm 2017

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN	Đã giao nhiệm vụ ĐTTN
Sinh viên	*Người hướng dẫn*
Nguyễn Phương Thảo	**Th.s Nguyễn Thị Mai Linh**

Hải Phòng, ngày ..... tháng.....năm 2017

Hiệu trưởng

GS.TS.NGƯT *Trần Hữu Nghị*

PHIẾU NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Chăm chỉ học hỏi, chịu khó sưu tầm số liệu, tài liệu phục vụ cho bài viết;
- Nghiêm túc, có ý thức tốt trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp;
- Luôn thực hiện tốt mọi yêu cầu do giáo viên hướng dẫn giao.
- Đảm bảo đúng tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T.T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

Kết cấu của khoá luận được tác giả sắp xếp tương đối hợp lý, khoa học bao gồm 3 chương:

Chương 1, tác giả đã hệ thống hóa được những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Chương 2, sau khi giới thiệu khái quát về công ty, tác giả đã đi sâu phân tích thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn, có số liệu minh hoạ cụ thể (năm 2016). Số liệu minh hoạ giữa chứng từ và sổ sách có tính logic và chính xác cao.

Chương 3, sau khi đánh giá được những ưu, nhược điểm của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn, tác giả đã đưa ra được một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán tại Công ty. Các giải pháp đưa ra có tính khả thi và tương đối phù hợp với tình hình thực tế tại công ty.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Bằng số: **.....**

Bằng chữ: **.....**

Hải Phòng, ngày tháng năm 2017

Cán bộ hướng dẫn

Ths. Nguyễn Thị Mai Linh

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU 1
CHƯƠNG 1 NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ 2
1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 2
1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 2
1.1.2.Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp 2
1.1.2.1.Doanh thu 2
1.1.2.2.Chi phí 5
1.1.2.3.Xác định kết quả kinh doanh 9
1.1.3.Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 10
1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 10
1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 10
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng 10
1.2.1.2.Tài khoản sử dụng 10
1.2.1.3.Phương pháp hạch toán 12
1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán 14
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng 14
1.2.2.2.Tài khoản sử dụng 14
1.2.2.3.Phương pháp hạch toán 16
1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính 19
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng 19
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng 19
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán 20
1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh 22
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng 22
1.2.4.2. Tài khoản sử dụng 22

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán 22
1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác 24
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng 24
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng 24
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán 25
1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh 27
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng 27
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng 27
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán 27
1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ. 29
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung 29
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái 31
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ 32
1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính 34
CHƯƠNG 2 THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÙI NGUYỄN 36
2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn 36
2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển..... 36
2.1.2.Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn 37
2.1.3.Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn 37
2.1.3.1.Tổ chức bộ máy kế toán 37
2.1.3.2.Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn 38
2.1.3.3.Tổ chức hệ thống sổ kế toán..... 39
2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn..... 41
2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng 41
2.2.1.1.Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty 41
2.2.1.2.Chứng từ sử dụng 41
2.2.1.3.Tài khoản sử dụng 41
2.2.1.4.Quy trình hạch toán 41
2.2.1.5.Ví dụ minh họa 43
2.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn.... 50

2.2.2.1.Nội dung giá vốn hàng bán 50
2.2.2.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng 50
2.2.2.3.Quy trình kế toán giá vốn hàng bán 50
2.2.2.4.Ví dụ minh họa 51
2.2.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty 57
2.2.3.1.Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh 57
2.2.3.2.Chứng từ sử dụng 57
2.2.3.3.Tài khoản sử dụng 57
2.2.3.4.Quy trình hạch toán 57
2.2.4.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính 63
2.2.4.1.Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính 63
2.2.4.2.Chứng từ sử dụng 63
2.2.4.3.Tài khoản sử dụng 63
2.2.4.4.Quy trình hạch toán 63
2.2.4.5.Ví dụ minh họa 64
2.2.5.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác 68
2.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh 68
2.2.6.1.Chứng từ sử dụng 68
2.2.6.2.Tài khoản sử dụng 68
2.2.6.3.Quy trình hạch toán 68
2.2.6.4. Ví dụ minh họa: 70
CHƯƠNG 3 MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÙI NGUYỄN 77
3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn 77
3.1.1.Ưu điểm 77
3.1.2.Một số mặt hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. 79
3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn. 80
3.2.1.Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty. 80
3.2.2.Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh. 81

3.2.3.Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn. 81
3.2.4.Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh..... 81
3.2.4.1.Hoàn thiện hệ thông sổ chi tiết tại công ty..... 82
3.2.4.2.Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán..... 91
3.2.4.3.Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn..... 92
3.2.4.4. Một số kiến nghị khác 95
KẾT LUẬN 96
TÀI LIỆU THAM KHẢO 97

LỜI MỞ ĐẦU

Việt Nam đã trở thành thành viên chính thức của Tổ chức thương mại Thế giới WTO, điều này mở ra rất nhiều cơ hội mới cho nền kinh tế Việt Nam nhưng cũng không ít thách thức mới đối với các doanh nghiệp trong nước. Nó đặt các doanh nghiệp vào cuộc cạnh tranh gay gắt trên thương trường. Bởi vậy, các doanh nghiệp trong nước luôn phải cố gắng tìm mọi biện pháp để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm tăng khả năng cạnh tranh trên thị trường. Vậy dựa vào đâu để có thể biết được một doanh nghiệp là đang phát triển, có khả năng phát triển hoặc đứng trước nguy cơ phá sản? chính là thông qua các con số về tình hình tài chính của doanh nghiệp. Những thông tin này chỉ có kế toán mới thu thập, tổng hợp và cung cấp được. Công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một khâu cơ bản của công tác kế toán. Bởi nó cho biết sản phẩm của doanh nghiệp tiêu thụ như thế nào? Chi phí trong quá trình sản xuất và tiêu thụ sản phẩm ra sao? Và kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ doanh nghiệp đạt được. Những thông tin từ đây giúp cho các nhà quản trị đưa ra đối sách phù hợp.

Qua thời gian thực tế tìm hiểu công tác kế toán tại đơn vị thực tập, em đã hiểu sâu hơn về công tác kế toán như thế nào và tầm quan trọng của nó. Từ kiến thức em đã được học và thực tế tìm hiểu, em quyết định chọn đề tài: " Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn" cho bài khoá luận của mình.

Nội dung của khoá luận được trình bày trong 3 chương:

Chương I: Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong Doanh nghiệp.

Chương II: Thực trạng công tác tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn.

Chương III: Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn.

Với kiến thức, kinh nghiệm và sự hiểu biết về công ty còn hạn chế chắc chắn bài viết của em không tránh khỏi thiếu sót. Vì vậy, em mong được sự góp ý trao đổi kiến thức của các thầy cô giáo và các anh chị kế toán của công ty nhằm giúp khoá luận của em được hoàn thiện hơn.

CHƯƠNG 1
NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP VỪA VÀ NHỎ

1.1 Những vấn đề chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.1.1.Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay, vấn đề mà các doanh nghiệp luôn băn khoăn lo lắng là : "Hoạt động kinh doanh có hiệu quả hay không? Doanh thu có trang trải được toàn bộ chi phí bỏ ra hay không? Làm thế nào để tối đa hoá lợi nhuận?".Thật vậy, xét về mặt tổng thể các doanh nghiệp hiện nay không những chịu tác động của qui luật giá trị mà còn chịu tác động của qui luật cung cầu và qui luật cạnh tranh, khi sản phẩm dịch vụ của doanh nghiệp được thị trường chấp nhận có nghĩa là giá trị của sản phẩm dịch vụ được thực hiện, lúc này doanh nghiệp sẽ thu về được một khoản tiền, khoản tiền này được gọi là doanh thu. Nếu doanh thu đạt được có thể bù đắp toàn bộ chi phí bất biến và khả biến bỏ ra, thì phần còn lại sau khi bù đắp được gọi là lợi nhuận. Bất cứ doanh nghiệp nào khi kinh doanh cũng mong muốn lợi nhuận đạt được là tối đa, để có lợi nhuận thì doanh nghiệp phải có mức doanh thu hợp lí, phần lớn trong các doanh nghiệp thương mại dịch vụ thì doanh thu đạt được chủ yếu là do quá trình tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm, dịch vụ. Do đó việc thực hiện hệ thống kế toán về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ đóng vai trò quan trọng trong việc xác định hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp.

1.1.2.Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp

1.1.2.1.Doanh thu

Theo chuẩn mực kế toán số 14 " Doanh thu và thu nhập khác " ban hành và công bố theo quyết định số 149 /2001/QĐ – BTC ngày 31/12/2001 của Bộ trưởng tài chính, doanh thu là tổng giá trị lợi ích kinh tế mà doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán phát sinh từ các hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn của chủ sở hữu.

Nội dung doanh thu của doanh nghiệp bao gồm:

❋ ***Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:***

Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là toàn bộ số tiền thu được hoặc sẽ thu được từ các giao dịch và các nghiệp vụ kinh tế phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm các khoản thu, phụ thu bên ngoài giá bán (công vận chuyển, chi phí lắp đặt,…) nếu có.

Theo chuẩn mực kế toán số 14, doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hoá như người sở hữu hàng hoá hoặc quyền kiểm soát hàng hoá.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

➢ *Thời điểm ghi nhận doanh thu bán hàng*

Khi hàng được xác định đã tiêu thụ, thời điểm đó được quy định như sau:

- Với phương thức bán buôn qua kho, bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức giao hàng trực tiếp thì thời điểm đã tiêu thụ là bên mua đã ký nhận đủ hàng; bên mua đã thanh toán tiền hàng hoặc nhận nợ.
- Với hình thức bán buôn qua kho . bán buôn vận chuyển thẳng theo hình thức chuyển hàng thì thời điểm xác nhận tiêu thụ là bên bán hàng đã chuyển hàng tới địa điểm mua; bên bán đã thu tiền hàng hoặc bên mua đã nhận nợ
- Với phương thức bán hàng đại lý ký gửi, khi người đại lý ký gửi thanh toán tiền hàng hoặc chấp nhận thanh toán hoặc họ thông báo hàng đã bán được.

Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả quá trình mua bán, cung cấp dịch vụ hàng hóa được xác định một cách đáng tin cậy.

Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn cả 4 điều kiện sau:

+ Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

+ Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

+ Xác định phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập báo cáo tài chính.

+ Xác định được chi phí phát sinh và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Khi kết quả của một giao dịch về cung cấp dịch vụ không thể xác định được chắc chắn thì doanh thu được ghi nhận tương ứng với chi phí đã ghi nhận và có thể thu hồi.

❋ ***Doanh thu thuần:*** là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu.

❋ ***Các khoản giảm trừ doanh thu***

- Chiết khấu thương mại là khoản doanh nghiệp bán giảm giá niêm yết cho khách hàng mua hàng với khối lượng lớn. Khoản giảm giá có thể phát sinh trên khối lượng từng lô hàng mà khách hàng đã mua, cũng có thể phát sinh trên tổng khối lượng hàng luỹ kế mà khách hàng đã mua trong một quãng thời gian nhất định tuỳ thuộc vào chính sách chiết khấu thương mại của bên bán.
- Giảm giá hàng bán là khoản giảm trừ cho người mua do toàn bộ do toàn bộ hay một phần hàng hoá kém phẩm chất, sai quy cách hoặc lạc hậu thị hiếu. Như vậy giảm giá hàng bán và chiết khấu thương mại có cùng bản chất như nhau: đều là giảm giá cho người mua, song lại phát sinh trong hai tình huống khác nhau hoàn toàn.
- Giá trị hàng bán bị trả lại là giá trị khối lượng hàng bán đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và từ chối thanh toán do các nguyên nhân như: vi phạm cam kết; vi phạm hợp đồng kinh tế; hàng bị mất, kém phẩm chất; không đúng chủng loại, quy cách. Khi doanh nghiệp ghi

nhận trị giá hàng bán bị trả lại cần đông thời ghi giảm tương ứng trị giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế xuất khẩu, thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp là các khoản thuế được xác định trực tiếp trên doanh thu bán hàng theo quy định hiện hành của luật thuế tuỳ thuộc vào từng mặt hàng khác nhau. Thuế tiêu thụ đặc biệt (trường hợp được coi là một trong những khoản giảm trừ doanh thu) phát sinh khi doanh nghiệp cung cấp các loại sản phẩm do doanh nghiệp sản xuất (hoặc các loại dịch vụ) thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt cho khách hàng.Khi đó doanh thu bán hàng được ghi nhận trong kỳ theo giá bán trả ngay đã bao gồm thuế tiêu thụ đặc biệt (chưa bao gồm thuế GTGT). Doanh nghiệp phải xác định phần thuế tiêu thụ đặc biệt phải nộp vào ngân sách Nhà nước căn cứ vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phát sinh trong kỳ.

❋ ***Doanh thu hoạt động tài chính***

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm những khoản thu do hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như: tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia, khoản lãi về chênh lệch tỷ giá hối đoái và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

❋ ***Thu nhập khác***

Thu nhập khác là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít có khả năng thực hiện, hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên như: doanh thu về thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, giá trị các vật tư, tài sản thừa trong sản xuất; các khoản nợ vắng chủ hay nợ không ai đòi, hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, nợ khó đòi, tiền được phạt, thu chuyển quyền sở hữu trí tuệ...

1.1.2.2.Chi phí

Chi phí là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản cố định hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối do cổ đông hoặc chủ sở hữu. Chi phí bao gồm:

❋ ***Giá vốn hàng bán***

Giá vốn hàng bán là giá trị thực tế xuất kho của số sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại), hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định là tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Phương pháp xác định giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng hoá xuất kho có thể được xác định theo một trong các phương pháp sau:

❶ **Phương pháp giá bình quân gia quyền**:

Trị giá thực tế hàng xuất kho = **Số lượng xuất kho** x **Giá đơn vị bình quân gia quyền**

Giá đơn vị bình quân có thể được tính theo một trong hai cách sau:

✓ Giá đơn vị bình quân cả kỳ dự trữ: Theo cách này, cuối kỳ kế toán mới tiến hành xác định đơn giá bình quân theo công thức:

$$\textit{Đơn giá bình quân cả kỳ dự trữ} = \frac{\textit{Trị giá hàng tồn đầu kỳ} + \textit{Trị giá hàng nhập trong kỳ}}{\textit{Số lượng hàng tồn đầu kỳ} + \textit{số lượng hàng nhập trong kỳ}}$$

✓ Giá đơn vị bình quân liên hoàn (Bình quân sau mỗi lần nhập): Theo phương pháp này, sau mỗi lần nhập kế toán phải xác định đơn giá bình quân sau lần nhập đó, theo công thức:

$$\textit{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\textit{Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập}}{\textit{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

❷ **Phương pháp nhập trước, xuất trước**:

Theo phương pháp này, hàng nào nhập về trước sẽ được xuất ra trước, xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau (hàng tồn đầu kỳ được coi là lần nhập đầu tiên).

❸ **Phương pháp giá bán lẻ**:

Phương pháp này thường được dùng trong ngành bán lẻ để tính giá trị của hàng tồn kho với số lượng lớn các mặt hàng thay đổi nhanh chóng và có lợi nhuận biên tương tự mà không thể sử dụng các phương pháp tính giá gốc khác.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định bằng cách lấy giá bán của hàng tồn kho trừ đi lợi nhuận biên theo tỷ lệ phần trăm hợp lý. Tỷ lệ được sử dụng có tính đến các mặt hàng đó bị hạ giá xuống thấp hơn giá bán ban đầu của nó. Thông thường mỗi bộ phận bán lẻ sẽ sử dụng một tỷ lệ phần trăm bình quân riêng.

Chi phí mua hàng trong kỳ được tính cho hàng tiêu thụ trong kỳ và hàng tồn kho cuối kỳ. Việc lựa chọn tiêu thức phân bổ chi phí mua hàng tùy thuộc tình hình cụ thể của từng doanh nghiệp nhưng phải thực hiện theo nguyên tắc nhất quán.

Phương pháp giá bán lẻ được áp dụng cho một số đơn vị đặc thù (ví dụ như các đơn vị kinh doanh siêu thị hoặc tương tự).

Đặc điểm của loại hình kinh doanh siêu thị là chủng loại mặt hàng rất lớn, mỗi mặt hàng lại có số lượng lớn. Khi bán hàng, các siêu thị không thể tính ngay giá vốn của hàng bán vì chủng loại và số lượng các mặt hàng bán ra hàng ngày rất nhiều, lượng khách hàng đông. Vì vậy, các siêu thị thường xây dựng một tỷ lệ lợi nhuận biên trên giá vốn hàng mua vào để xác định ra giá bán hàng hóa (tức là doanh thu). Sau đó, căn cứ doanh số bán ra và tỷ lệ lợi nhuận biên, siêu thị sẽ xác định giá vốn hàng đã bán và giá trị hàng còn tồn kho.

❹ **Phương pháp giá thực tế đích danh**

Theo phương pháp này sản phẩm, vật tư, hàng hóa xuất kho thuộc lô hàng nhập nào thì lấy đơn giá nhập kho của lô hàng đó để tính. Đây là phương án tốt nhất, nó tuân thủ nguyên tắc phù hợp của kế toán: chi phí thực tế phù hợp với doanh thu thực tế. Giá trị hàng xuất kho đem bán phù hợp với doanh thu mà nó tạo ra. Hơn nữa, giá trị hàng tồn kho được phản ánh đúng theo giá trị thực tế của nó.

Tuy nhiên, việc áp dụng phương pháp này đòi hỏi những điều kiện khắt khe, chỉ những doanh nghiệp kinh doanh ít loại mặt hàng, hàng tồn kho có giá trị lớn, mặt hàng ổn định và loại hàng tồn kho nhận định được thì mới có thể áp dụng phương pháp này. Còn đối với doanh nghiệp có nhiều loại mặt hàng thì không thể áp dụng phương pháp này.

❋ ***Chi phí quản lý kinh doanh***

Chi phí quản lý kinh doanh là những chi phí chi ra trong quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ, gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành,… Và các khoản chi phi phục vụ cho quản lý chung tại doanh nghiệp, gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp, các khoản trích theo lương, chi phí vật liệu văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp…

❋ ***Chi phí hoạt động tài chính***

Chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong quá trình hoạt động kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, như chi phí tiền lãi vay, và những chi phí liên quan đến hoạt động cho các bên khác sử dụng tài sản sinh ra lợi tức , tiền bản quyền,... Những chi phí này phát sinh dưới dạng tiền và các khoản tương đương tiền.

Nội dung chi phí hoạt động tài chính bao gồm:

- Các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính.
- Chi phí cho vay và đi vay vốn.
- Chi phí góp vốn liên doanh.
- Lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, ...
- Khoản nhập và hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán và đầu tư khác.
- Khoản lỗ về chênh lệch tỷ giá ngoại tệ và bán ngoại tệ, ...

❋ ***Chi phí khác***

Chi phí khác là những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra; cũng có thể là những khoản chi phí bị bỏ sót từ những năm trước.

Nội dung của chi phí khác phát sinh bao gồm:

- Chi phí thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán tài sản cố định (nếu có).
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế.
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế.
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán.
- Các khoản chi phí khác.

❋ ***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp***

Thuế thu nhập doanh nghiệp là loại thuế trực thu , thu trên kết quả hoạt động sản xuất, kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp.

Căn cứ tính thuế thu nhập doanh nghiệp là thu nhập chịu thuế trong kỳ tính thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp

Thu nhập chịu thuế trong kỳ bao gồm thu nhập từ hoạt động sản xuất, kinh doanh hàng hoá, dịch vụ và thu nhập khác.

Phương pháp tính thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN):

Thuế TNDN phải nộp = Thu nhập chịu thuế * Thuế suất thuế TNDN.

1.1.2.3.Xác định kết quả kinh doanh

Sau một kỳ kế toán, cần xác định kết quả của hoạt động kinh doanh trong kỳ với yêu cầu chính xác và kịp thời. Chú ý tới nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán.

Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh: là số chênh lệch giữa doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ; doanh thu hoạt động tài chính và trị giá vốn hàng bán; chi phí quản lý kinh doanh và chi phí tài chính.

Lợi nhuận khác: là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác.

Lợi nhuận trước thuế: Tổng số lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

Lợi nhuận sau thuế (Lợi nhuận ròng hay lãi ròng) : Là phần lợi nhuận còn lại sau khi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho ngân sách Nhà nước.

1.1.3.Nhiệm vụ của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản chi phí phát sinh trong kỳ và hạch toán chi tiết từng nội dung chi phí theo quy định phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Phản ánh kịp thời, chính xác các khoản doanh thu, thu nhập, các khoản làm giảm doanh thu phát sinh trong kỳ. Và việc ghi nhận này phải tuân thủ nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.
- Cuối kỳ kết chuyển các khoản doanh thu và chi phí hợp lý vào tài khoản 911 để xác định kết quả kinh doanh và các khoản phải nộp Nhà nước. Đảm bảo cung cấp thông tin về kết quả hoạt động kinh doanh cho nhà quản trị đầy đủ, kịp thời và chính xác.

1.2 Nội dung tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, các khoản giảm trừ doanh thu trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

Doanh thu thể hiện việc doanh nghiệp bán sản phẩm, hàng hoá hoặc cung cấp dịch vụ. Do đó, các chứng từ đi kèm làm căn cứ ghi sổ bao gồm:

- Hoá đơn bán hàng thông thường, Hoá đơn GTGT
- Phiếu thu để ghi nhận các khoản thu bằng tiền
- Giấy báo có của ngân hàng
- Các chứng từ khác liên quan (nếu có)

1.2.1.2.Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ"**

Tài khoản này dùng để phản ánh doanh thu bán hàng thực tế của doanh nghiệp thực hiện trong một kỳ kế toán của hoạt động sản xuất kinh doanh.

Tài khoản 511 không có số dư cuối kỳ. Tài khoản 511 có bốn tài khoản cấp 2 như sau:

- 5111: Doanh thu bán hàng hoá
- 5112 : Doanh thu bán các thành phẩm
- 5113 : Doanh thu cung cấp dịch vụ
- 5118 : Doanh thu khác

Kết cấu tài khoản 511

- **Bên Nợ**

- Số thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng và đã được xác định là đã bán trong kỳ kế toán.
- Số thuế GTGT phải nộp của doanh nghiệp tính theo phương pháp trực tiếp.
- Doanh thu bán hàng bị trả lại kết chuyển cuối kỳ.
- Khoản giảm giá hàng bán, khoản chiết khấu thương mại kết chuyển cuối kỳ.
- Kết chuyển doanh thu thuần vào tài khoản 911 " Xác định kết quả kinh doanh".

- **Bên Có**

  Doanh thu bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- **Tài khoản 521 " Các khoản giảm trừ doanh thu"**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh trong quá trình thanh toán khi khách hàng mua hàng với số lượng lớn, hàng hóa bị khách trả lại hoặc hàng bán được giảm giá.

Tài khoản 521 – Các khoản giảm trừ doanh thu, có 3 tiểu khoản:

+ Tài khoản 5211 – Chiết khấu thương mại
+ Tài khoản 5212 – Hàng bán bị trả lại
+ Tài khoản 5213 – Giảm giá hàng bán

Kết cấu tài khoản 521

- **Bên Nợ**

- Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng phát sinh trong kỳ.
- Doanh thu của hàng bán bị trả lại, đã trả lại tiền hàng cho người mua hoặc tính trừ vào khoản phải thu của khách hàng về số sản phẩm hàng hóa đã bán.
- Các khoản giảm giá hàng bán đã chấp thuận cho người mua hàng do hàng kém chất lượng hoặc sai quy cách trong hợp đồng kinh tế.

- **Bên Có**

  Cuối kỳ kế toán, kết chuyển số chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại sang tài khoản 511 " Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ" để xác định doanh thu thuần của kỳ kế toán.

Tài khoản 521 không có số dư cuối kỳ.

1.2.1.3.Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ và các khoản giảm trừ doanh thu được khái quát qua **sơ đồ 1.1** như sau

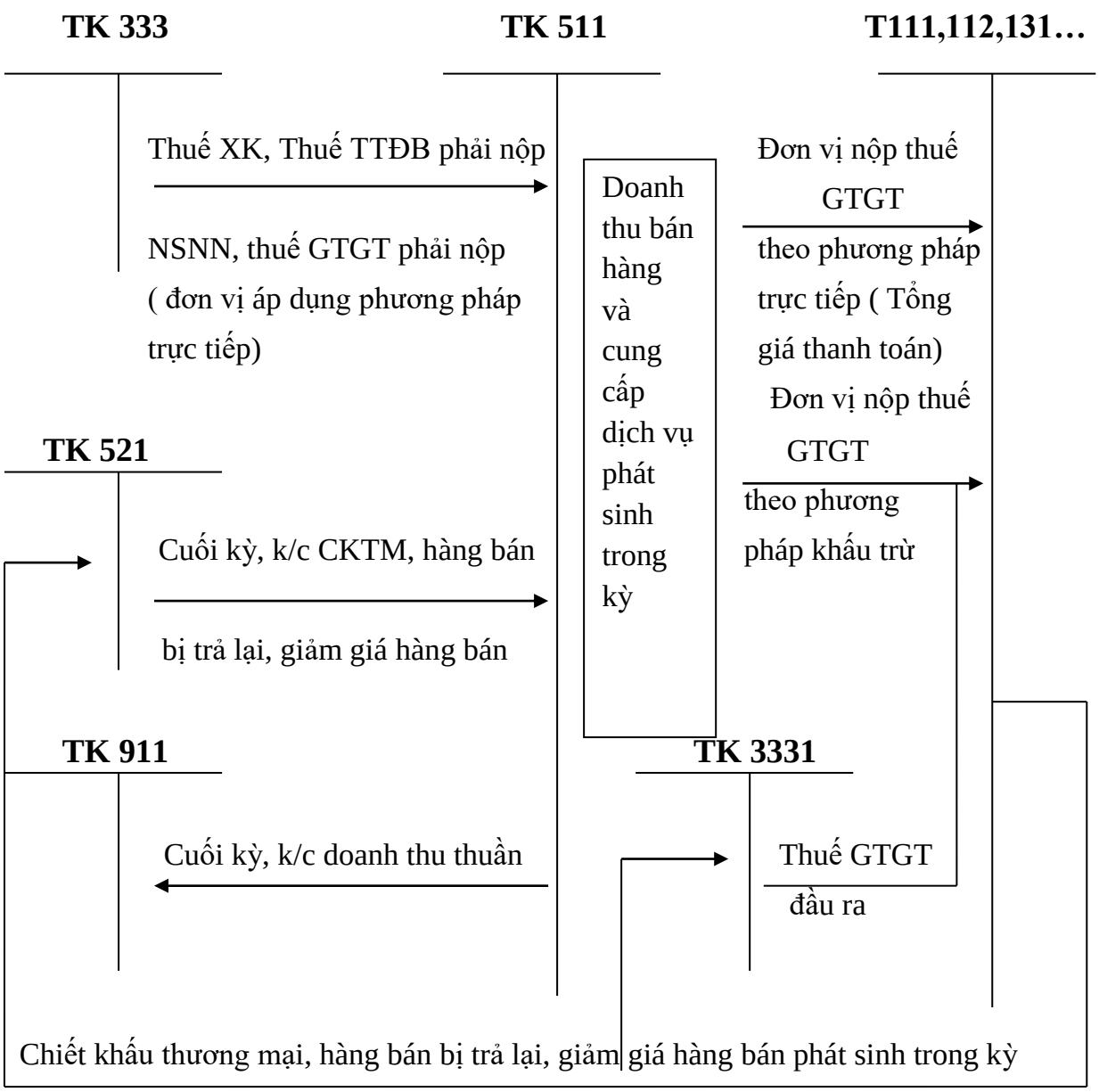

Sơ đồ 1.1 - Sơ đồ hạch toán doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho

- Các chứng từ khác có liên quan: Phiếu chi, giấy báo nợ,…

1.2.2.2.Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 632 " Giá vốn hàng bán"**

Tài khoản này dùng để phản ánh trị giá vốn của hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư bán trong kỳ.

Kết cấu tài khoản 632

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên:

- **Bên Nợ**

- Trị giá vốn của sản phẩm, dịch vụ, hàng hóa đã bán trong kỳ.

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ được tính vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

- Các khoản hao hụt, mất mát của hàng tồn kho sau khi trừ bồi thường do trách nhiệm cá nhân gây ra.

- Chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế hoàn thành. - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn số dự phòng đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- **Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán trong kỳ sang Tài khoản 911 – Xác định kết quả kinh doanh.

- Kết chuyển toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

- Khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (Chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

- Trị giá hàng bán bị trả lại nhập kho

Tài khoản 632 không có số dư cuối kỳ.

Trường hợp doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kiểm kê định kỳ:

Đối với doanh nghiệp kinh doanh thương mại:

- **Bên Nợ:**

  - Trị giá vốn của hàng hóa đã xuất bán trong kỳ.

  - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

- **Bên Có:**

  - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã gửi đi bán nhưng chưa được xác định là tiêu thụ.

  - Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập năm trước).

  - Kết chuyển giá vốn của hàng hóa đã xuất bán vào bên Nợ Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Đối với doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh dịch vụ:

- **Bên Nợ**

  - Trị giá vốn của thành phẩm tồn kho đầu kỳ.

  - Số trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay lớn hơn số đã lập năm trước chưa sử dụng hết).

  - Trị giá vốn của thành phẩm sản xuất xong nhập kho và dịch vụ đã hoàn thành.

- **Bên Có**

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm tồn kho cuối kỳ vào bên Nợ Tài khoản 155 "Thành phẩm".

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm tài chính (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập năm nay nhỏ hơn số đã lập dự phòng năm trước chưa sử dụng hết).

- Kết chuyển giá vốn của thành phẩm đã xuất bán, dịch vụ hoàn thành được xác định là đã bán trong kỳ vào bên Nợ Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

1.2.2.3.Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán theo hai phương pháp kê khai thường xuyên và phương pháp kiểm kê định kỳ được khái quát qua hai **sơ đồ 1.2** và **sơ đồ 1.3** như sau:

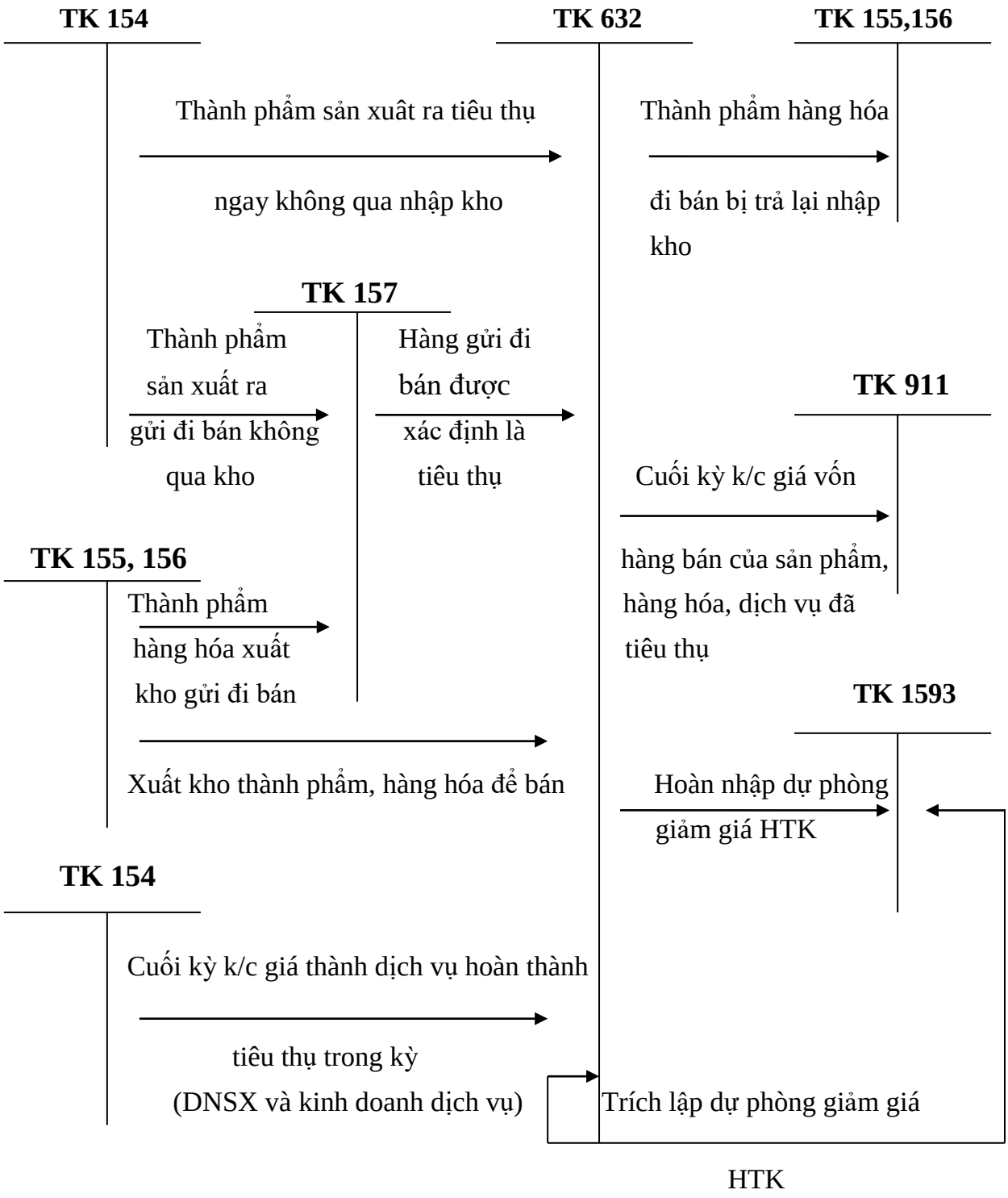

Sơ đồ 1.2 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kê khai thường xuyên

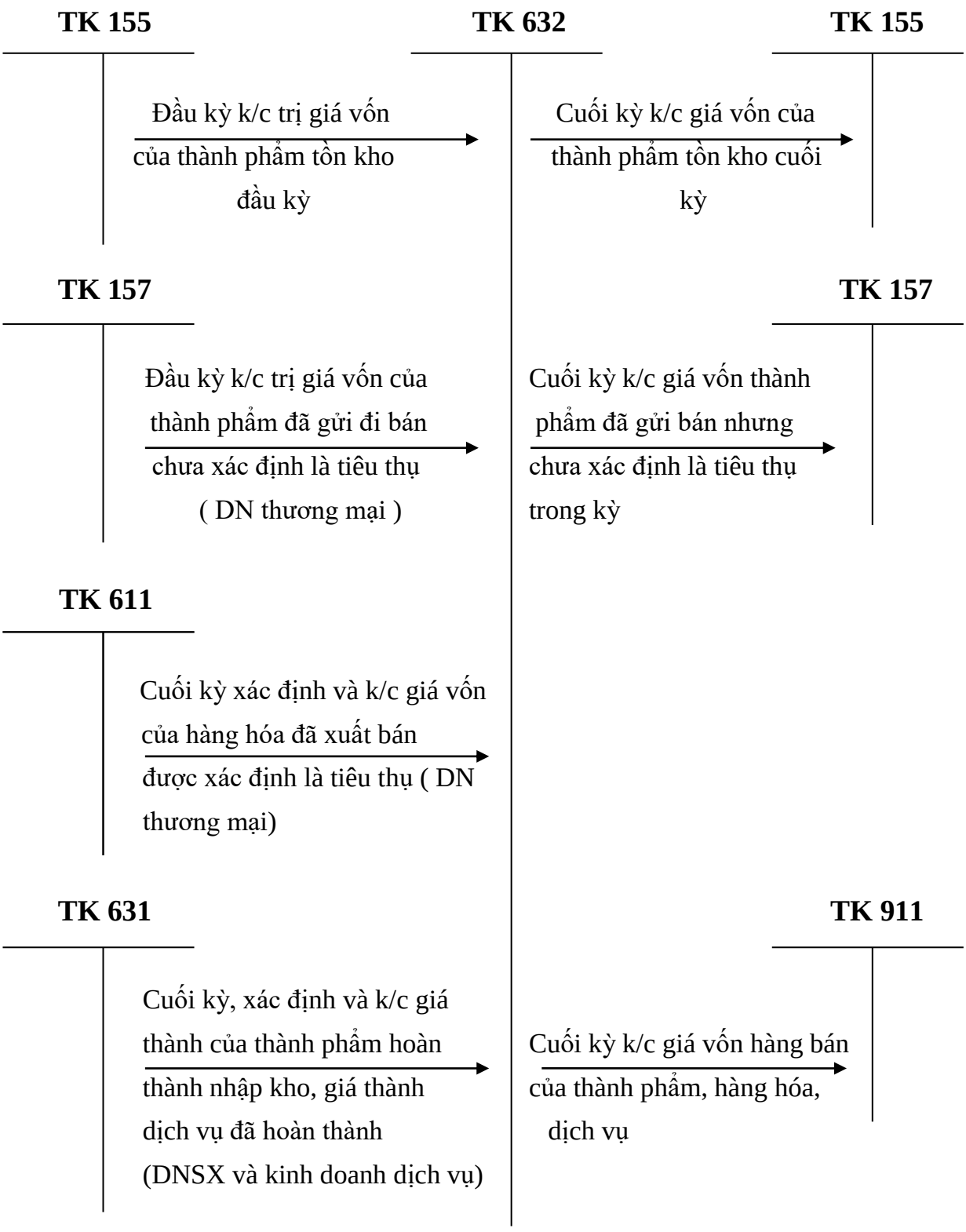

Sơ đồ 1.3 - Sơ đồ hạch toán giá vốn hàng bán theo phương pháp kiểm kê định kỳ

1.2.3. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, giấy báo Nợ, giấy báo Có (giấy báo lãi)

- Các chứng từ khác có liên quan như: Bảng tổng hợp trả lãi tiền vay,…

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 515 "Doanh thu hoạt động tài chính"**

Tài khoản này dùng để phản ánh tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 515

- **Bên Nợ**

- Số thuế GTGT phải nộp tính theo phương pháp trực tiếp (nếu có)

- Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính thuần sang Tài Khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

- **Bên Có**

- Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia.

- Lãi do nhượng bán các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, công ty liên kết.

- Chiết khấu thanh toán được hưởng.

- Lãi tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ hoạt động của kinh doanh,…

- Doanh thu hoạt động tài chính khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 515 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 635 "Chi phí tài chính"**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản chi phí phát sinh liên quan đến hoạt động về vốn và đầu tư tài chính.

Kết cấu tài khoản 635

- **Bên Nợ**

- Chi phí lãi tiền vay, lãi mua hàng trả chậm, lãi thuê tài sản, thuê tài chính.

- Lỗ bán ngoại tệ.

- Chiết khấu thanh toán cho người mua.

- Các khoản lỗ do thanh lý, nhượng bán các khoản đầu tư.

- Lỗ tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính (lỗ tỷ giá hối đoái đã thực hiện)

- Lỗ tỷ giá hối đoái do đánh giá lại cuối năm tài chính các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ của hoạt động kinh doanh (lỗ tỷ giá hối doái chưa thực hiện)

- Các khoản chi phí của hoạt động đầu tư tài chính khác.

- **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán

- Cuối kỳ kế toán, kết chuyển toàn bộ chi phí tài chính phát sinh trong kỳ để xác định kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài khoản 635 không có số dư cuối kỳ

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính được khái quát qua **sơ đồ 1.4** như sau:

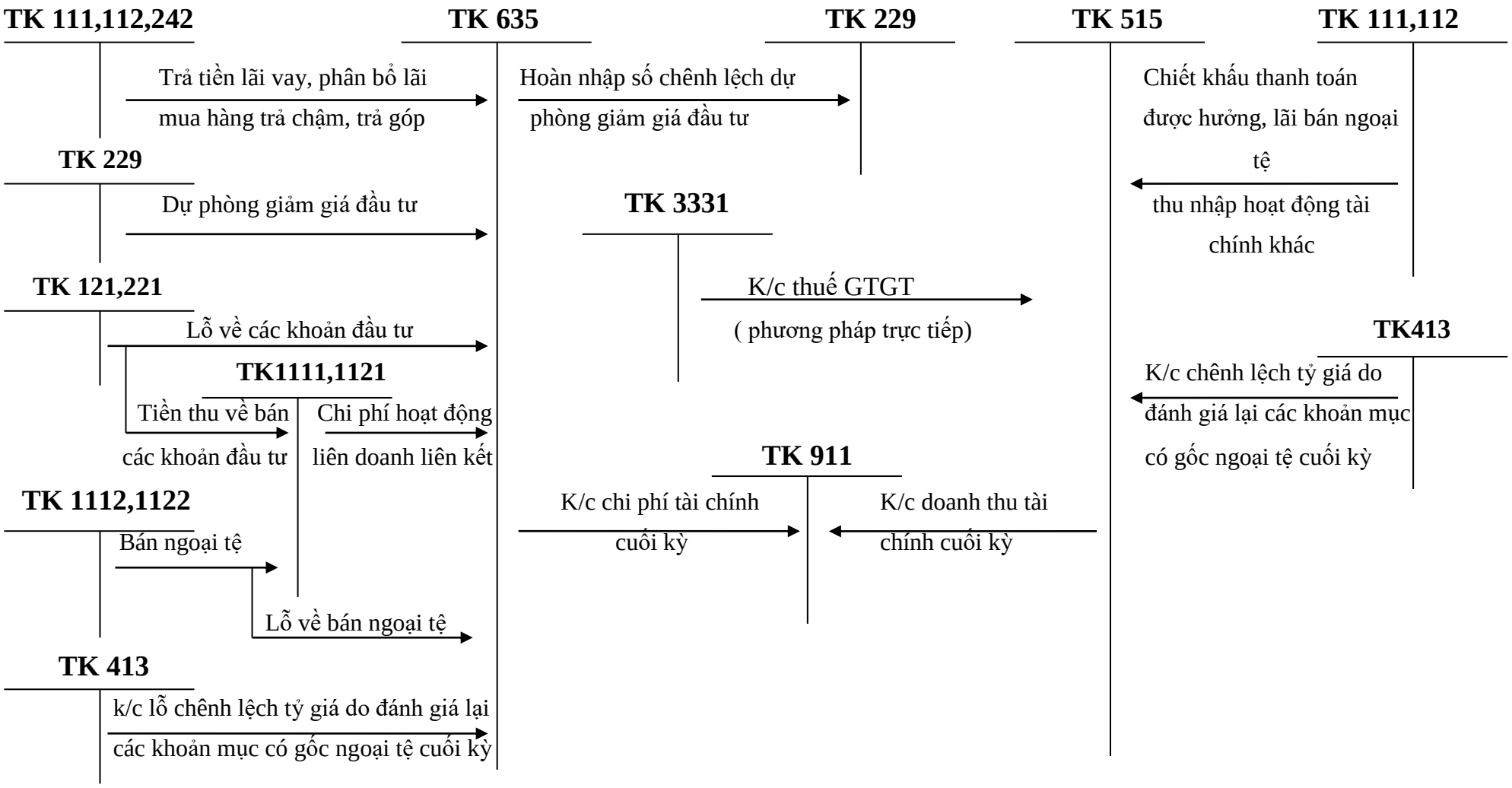

Sơ đồ 1.4 - Sơ đồ hạch toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

1.2.4. Kế toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT, Giấy báo Nợ, Phiếu chi

- Bảng tính và phân bổ khấu hao tài sản cố định, Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội và các chứng từ khác có liên quan

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 642 "Chi phí quản lý kinh doanh"**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh tại doanh nghiệp từ bán hàng, tiếp khách, văn phòng phẩm, khấu hao TSCĐ, lương nhân viên bán hàng, lương nhân viên quản lý,…

Kết cấu tài khoản 642

- **Bên Nợ**

- Chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh trong kỳ.

- Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này lớn hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết)

- Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

- **Bên Có**

- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả (chênh lệch giữa số dự phòng phải lập kỳ này nhỏ hơn số dự phòng đã lập kỳ trước chưa sử dụng hết);

- Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh vào Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 642 không có số dư cuối kỳ.

- **TK 642 có 2 TK cấp 2:**

TK 6421 - Chi phí bán hàng và TK 6422 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

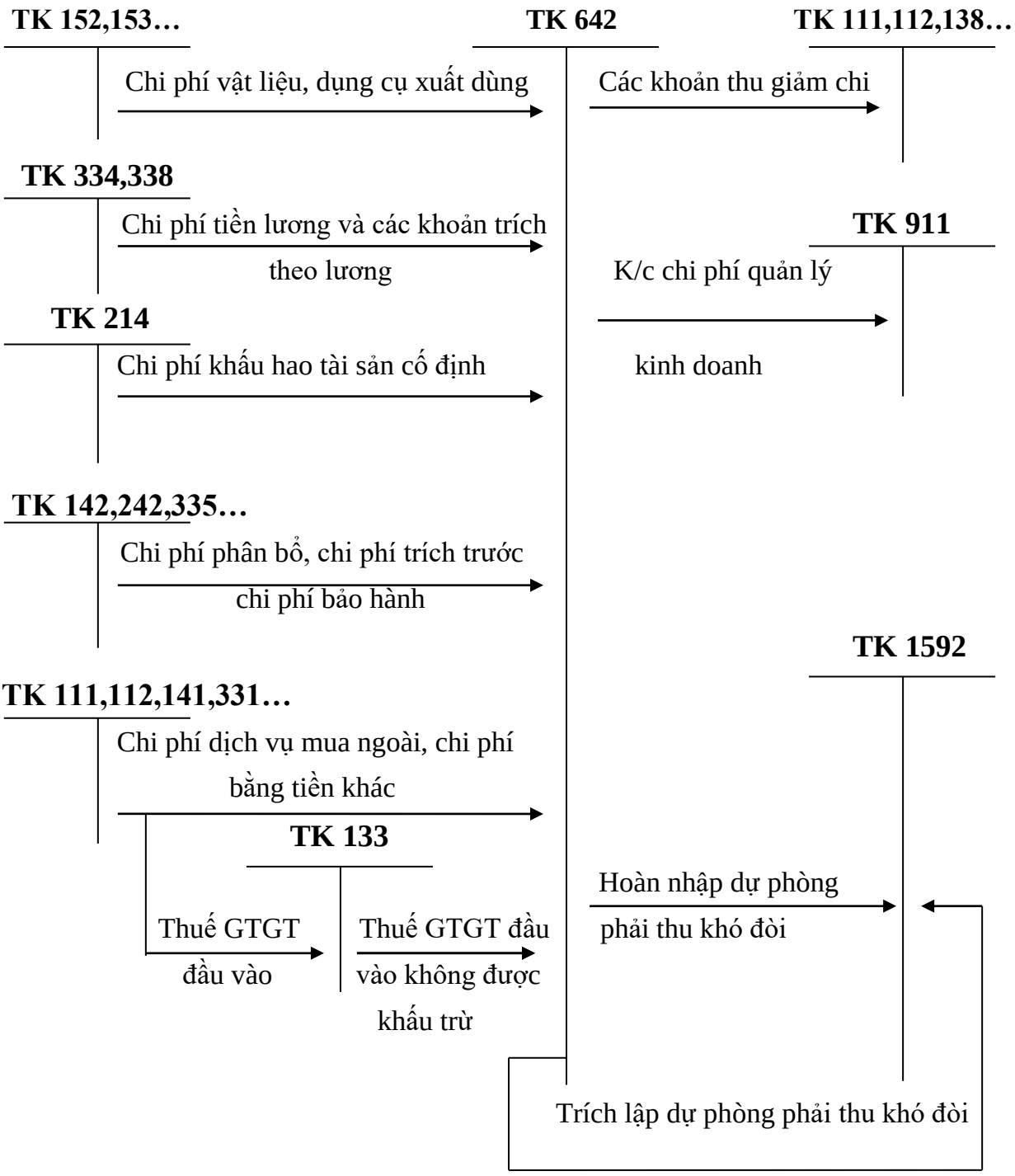

Sơ đồ 1.5 - Sơ đồ hạch toán chi phí quản lý kinh doanh

1.2.5. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Biên bản đánh giá tài sản
- Biên bản thanh lý nhượng bán tài sản cố định
- Biên bản góp vốn liên doanh
- Phiếu thu, phiếu chi

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 711 "Thu nhập khác "**

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản thu nhập khác, các khoản doanh thu ngoài hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 711

- **Bên Nợ**

  - Số thuế giá trị gia tăng phải nộp (nếu có) tính theo phương pháp trực tiếp đối với các khoản thu nhập khác ở doanh nghiệp nộp thuế giá trị gia tăng tính theo phương pháp trực tiếp.

  - Cuối kỳ kế toán kết chuyển các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

- **Bên Có**

  Các khoản thu nhập khác phát sinh trong kỳ.

Tài khoản 711 không có số dư cuối kỳ

- **Tài khoản 811 "Chi phí khác "**

Tài khoản này dùng để phản ánh những khoản chi phí phát sinh do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của các doanh nghiệp.

Kết cấu tài khoản 811

- **Bên Nợ**

  Các khoản chi phí khác phát sinh

- **Bên Có**

  Cuối kỳ kết chuyển toàn bộ các khoản chi phí khác phát sinh trong kỳ sang Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh".

Tài khoản 811 không có số dư cuối kỳ.

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được khái quát qua **sơ đồ 1.6** như sau:

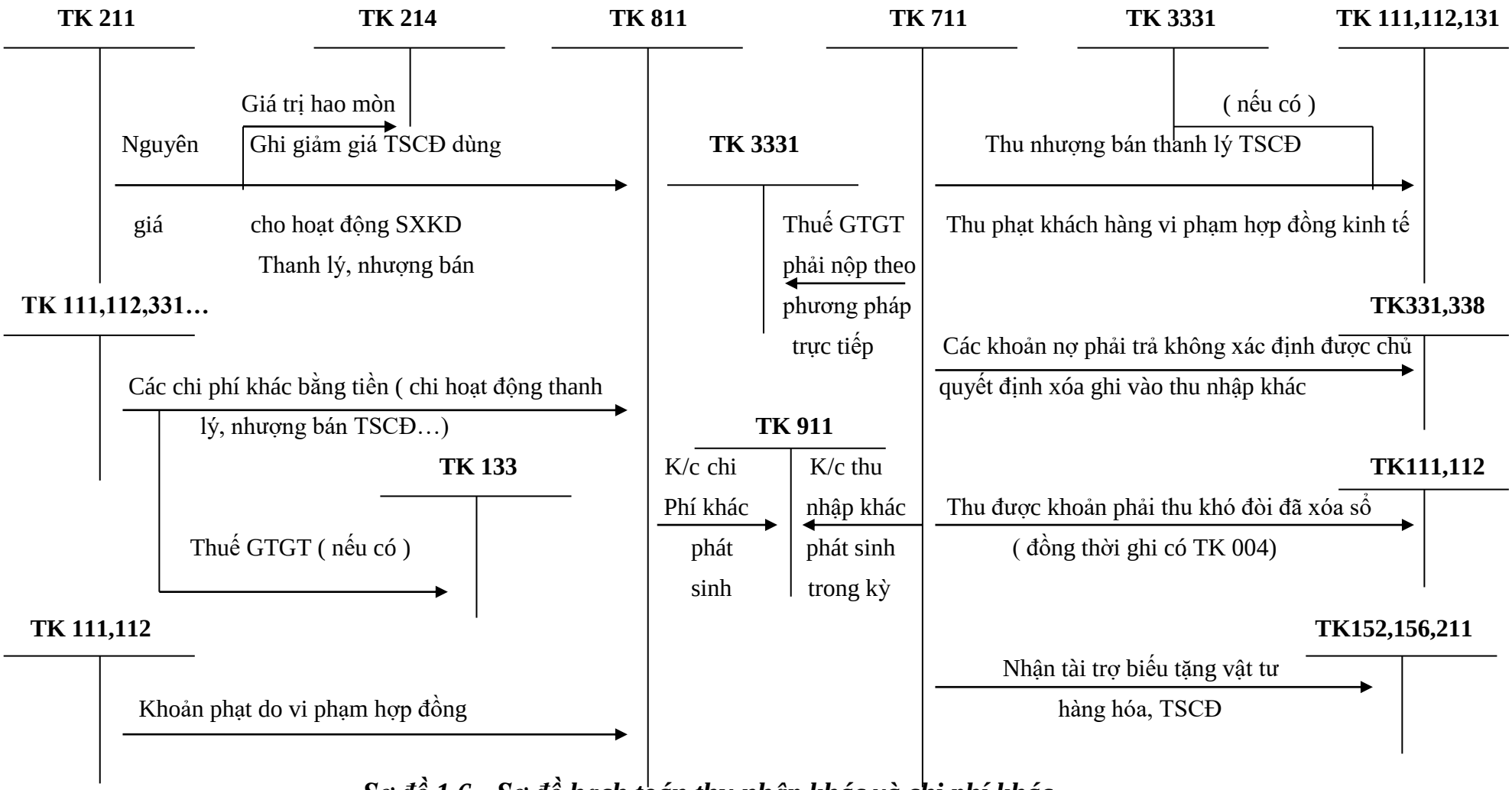

Sơ đồ 1.6 - Sơ đồ hạch toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu kế toán

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

- **Tài khoản 911 "Xác định kết quả kinh doanh"**

Tài khoản này dùng để xác định và phản ánh kết quả kinh doanh và các hoạt động khác của doanh nghiệp trong một kỳ kế toán năm. Kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp bao gồm: Kết quả hoạt động sản xuất, kết quả hoạt động tài chính và kết quả hoạt động khác. Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán. Trong đó, doanh thu thuần là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ. Kết quả hoạt động tài chính là số chênh lệch giữa thu nhập của hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính. Kết quả hoạt động khác là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác và các khoản chi phí khác.

Kết cấu tài khoản 911

- **Bên Nợ**

  - Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán;

  - Chi phí hoạt động tài chính, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và chi phí khác, chi phí quản lý kinh doanh;

  - Kết chuyển lãi.

- **Bên Có**

  - Doanh thu thuần về số sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư và dịch vụ đã bán trong kỳ, doanh thu hoạt động tài chính, các khoản thu nhập khác và khoản ghi giảm chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp;

  - Kết chuyển lỗ.

Tài khoản 911 không có số dư cuối kỳ.

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

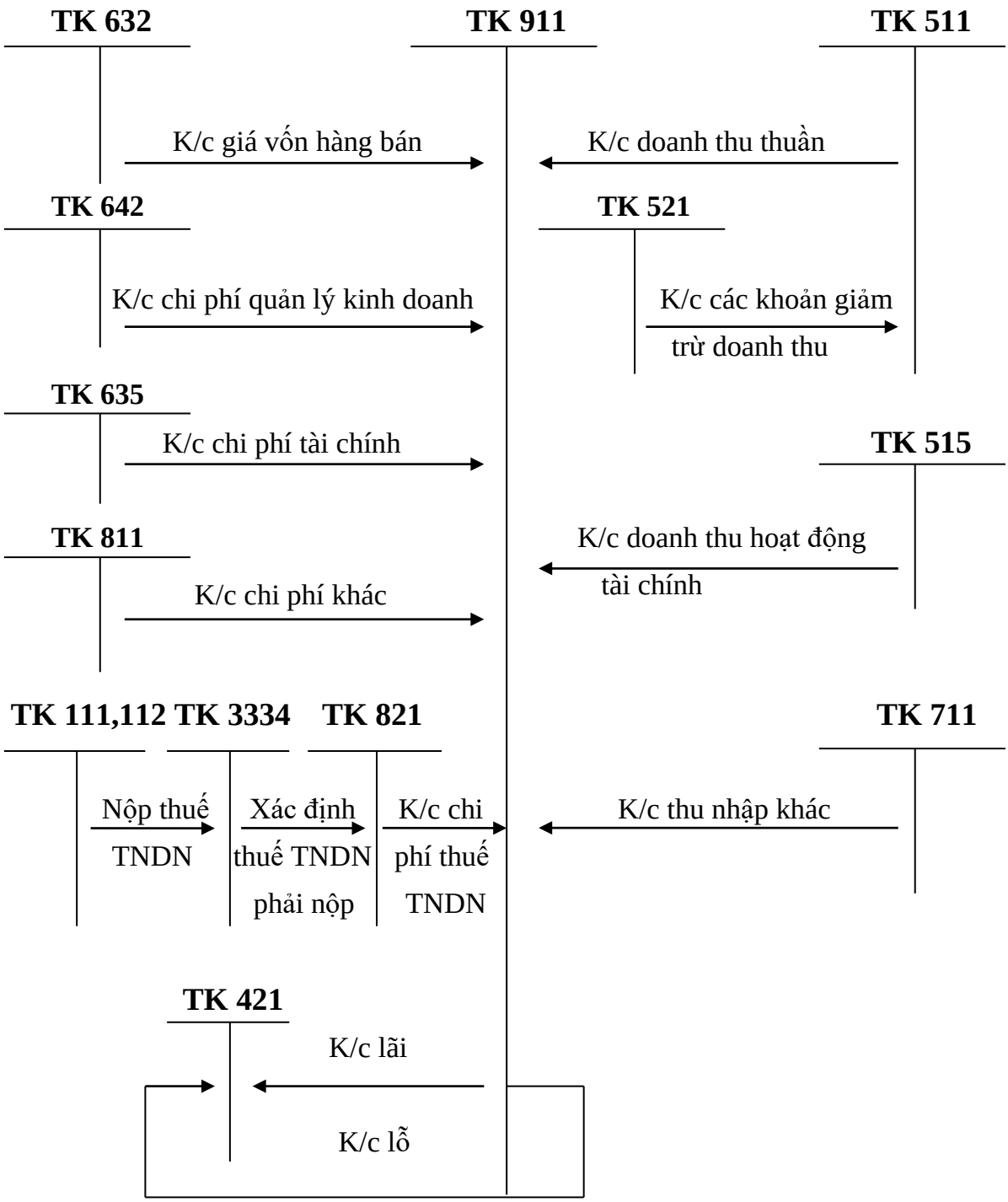

Sơ đồ 1.7 - Sơ đồ hạch toán xác định kết quả kinh doanh

1.3. Tổ chức vận dụng hệ thống sổ sách vào công tác doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp vừa và nhỏ.

Để phản ánh đầy đủ, kịp thời, liên tục, có hệ thống tình hình và kết quả của hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình sử dụng vốn của doanh nghiệp nhằm cung cấp thông tin cần thiết cho việc lập báo cáo tài chính, các doanh nghiệp phải mở đầy đủ các sổ và lưu trữ sổ kế toán theo đúng chế độ kế toán.

Theo quyết định số 48/2006/QĐ – BTC ngày 14/09/2006 của Bộ tài chính, các doanh nghiệp được áp dụng một trong bốn hình thức kế toán sau:

o Hình thức kế toán Nhật ký chung

o Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

o Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

o Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Trong mỗi hình thức, sổ kế toán có những quy định cụ thể về số lượng, mẫu sổ, trình tự, phương pháp ghi chép và mối quan hệ giữa các sổ kế toán.

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm các loại sổ chủ yếu sau:

- Nhật ký chung, sổ Nhật ký đặc biệt

- Sổ Cái.

- Sổ, thẻ chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Nếu đơn vị có mở sổ, thẻ kế toán chi tiết thì sau khi ghi sổ Nhật ký chung thì kế toán ghi các sổ chi tiết liên quan. Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối số phát sinh.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

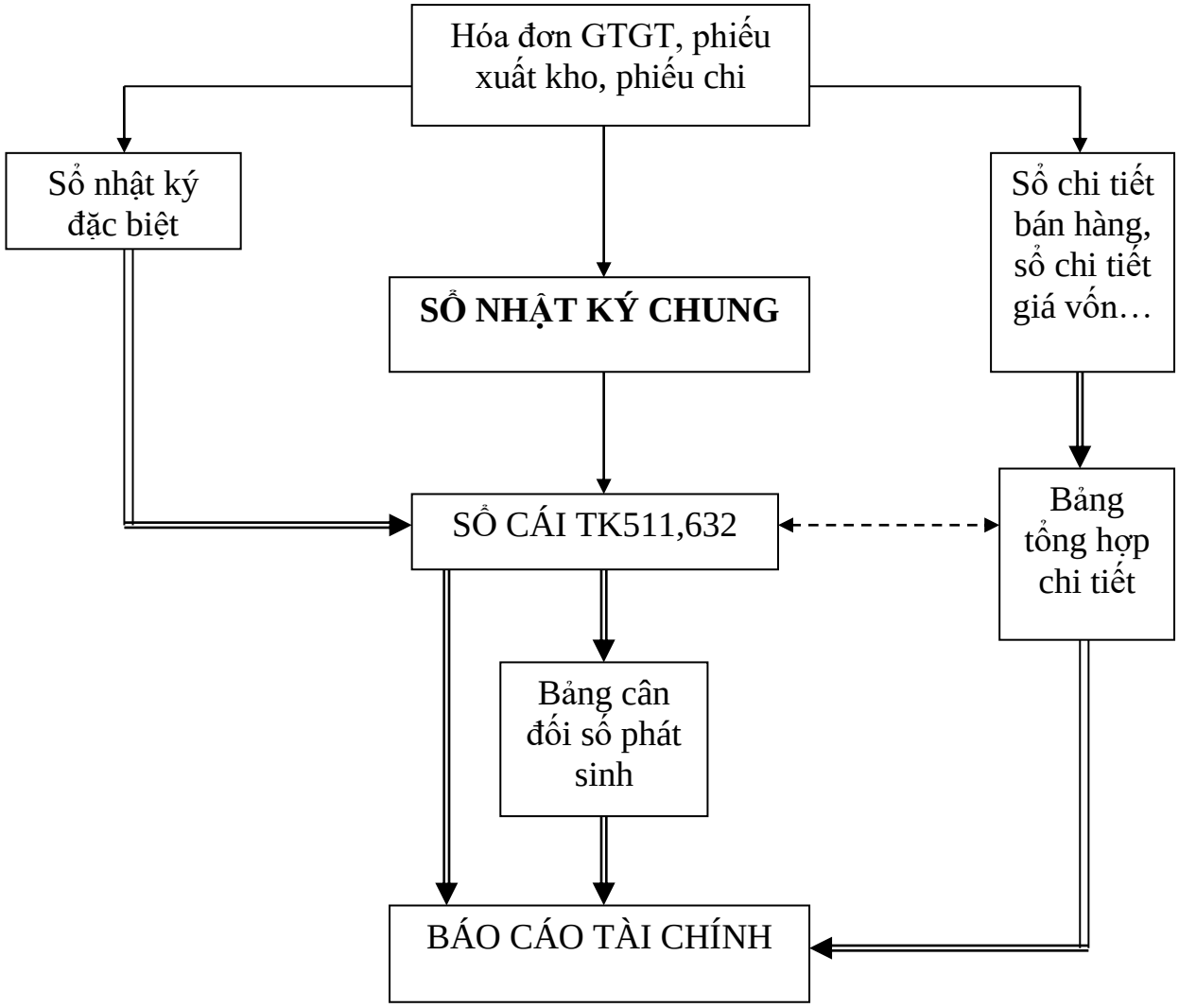

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kì

Đối chiếu, kiểm tra

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái

Hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái gồm có các loại sổ chủ yếu sau:

+ Nhật ký – Sổ cái;

+ Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra và được dùng làm căn cứ ghi sổ.

Cuối tháng, sau khi đã phản ánh toàn bộ chứng từ kế toán phát sinh trong tháng vào sổ Nhật ký – Sổ cái và các sổ, thẻ kế toán chi tiết, kế toán tiến hành cộng số liệu ở cột số phát sinh ở phần Nhật ký và các cột Nợ, cột Có của từng tài khoản ở phần Sổ cái đê ghi vào dòng cộng phát sinh cuối tháng.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký – Sổ cái

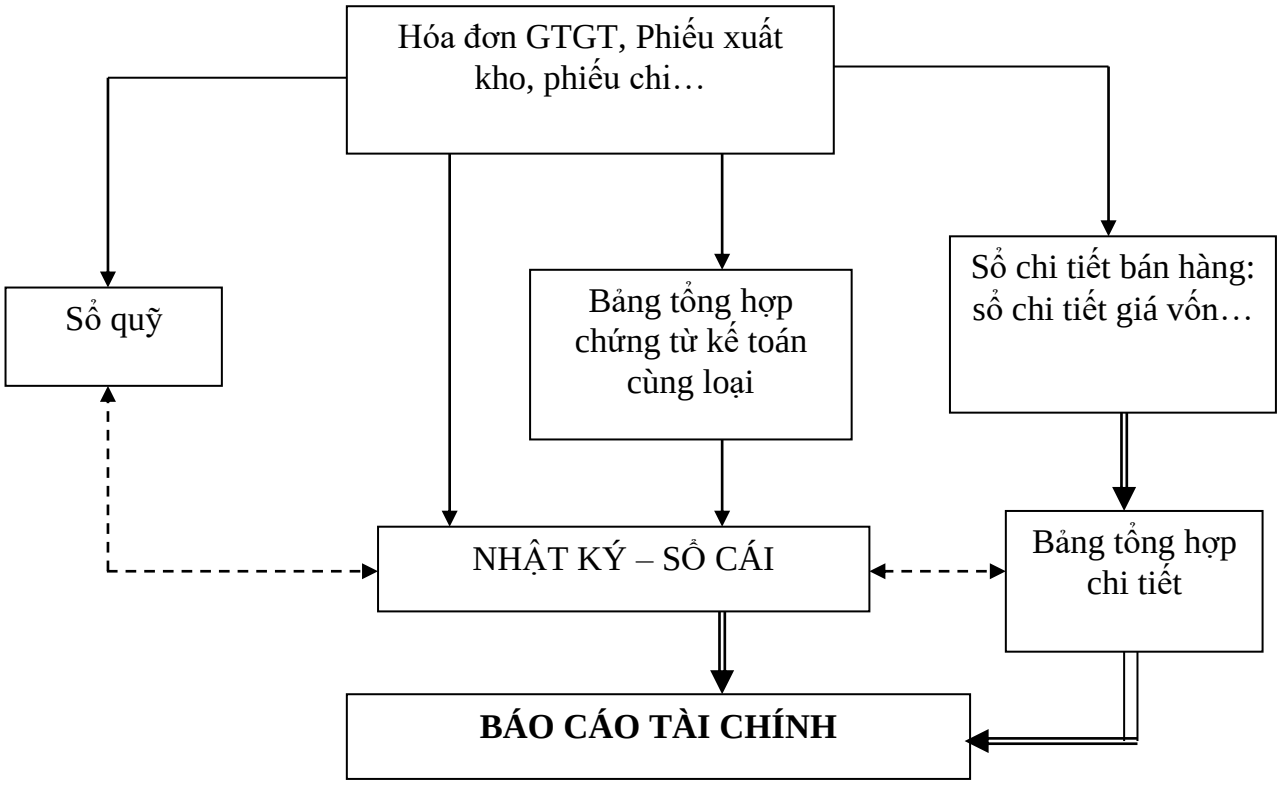

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kì

 Đối chiếu, kiểm tra

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ gồm các loại sổ kế toán sau: Chứng từ ghi sổ, Sổ Đăng ký chứng từ ghi sổ, Sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

Hàng ngày căn cứ vào các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, kế toán lập Chứng từ ghi sổ. Căn cứ vào Chứng từ ghi sổ để ghi vào sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sau đó được dùng để ghi vào các Sổ Cái. Cuối tháng phải khóa sổ tính ra tổng tiền của các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh trong tháng, căn cứ vào Sổ Cái lập Bảng cân đối số phát sinh.

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ

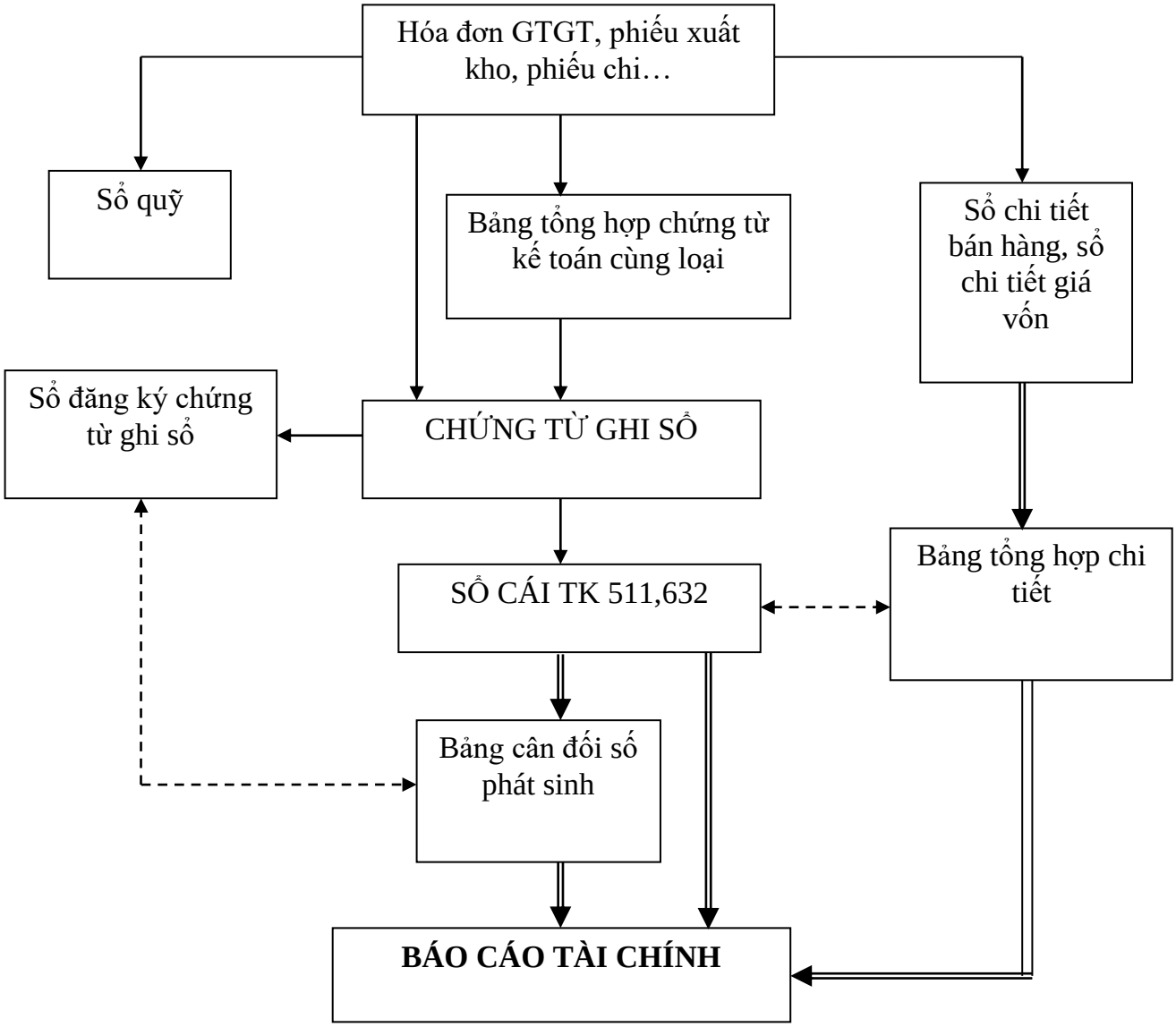

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kì

Đối chiếu, kiểm tra

1.3.4. Hình thức kế toán trên Máy vi tính

Đây là công việc được thực hiện trên một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong ba hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định là: Nhật ký chung, Nhật ký - sổ cái , Chứng từ ghi sổ. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

Các loại sổ của hình thức kế toán trên máy vi tính: phần mềm kế toán được thiết kế theo hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình thức kế toán đó nhưng không bắt buộc hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Cuối tháng, kế toán thực hiện các thao tác khóa sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính.

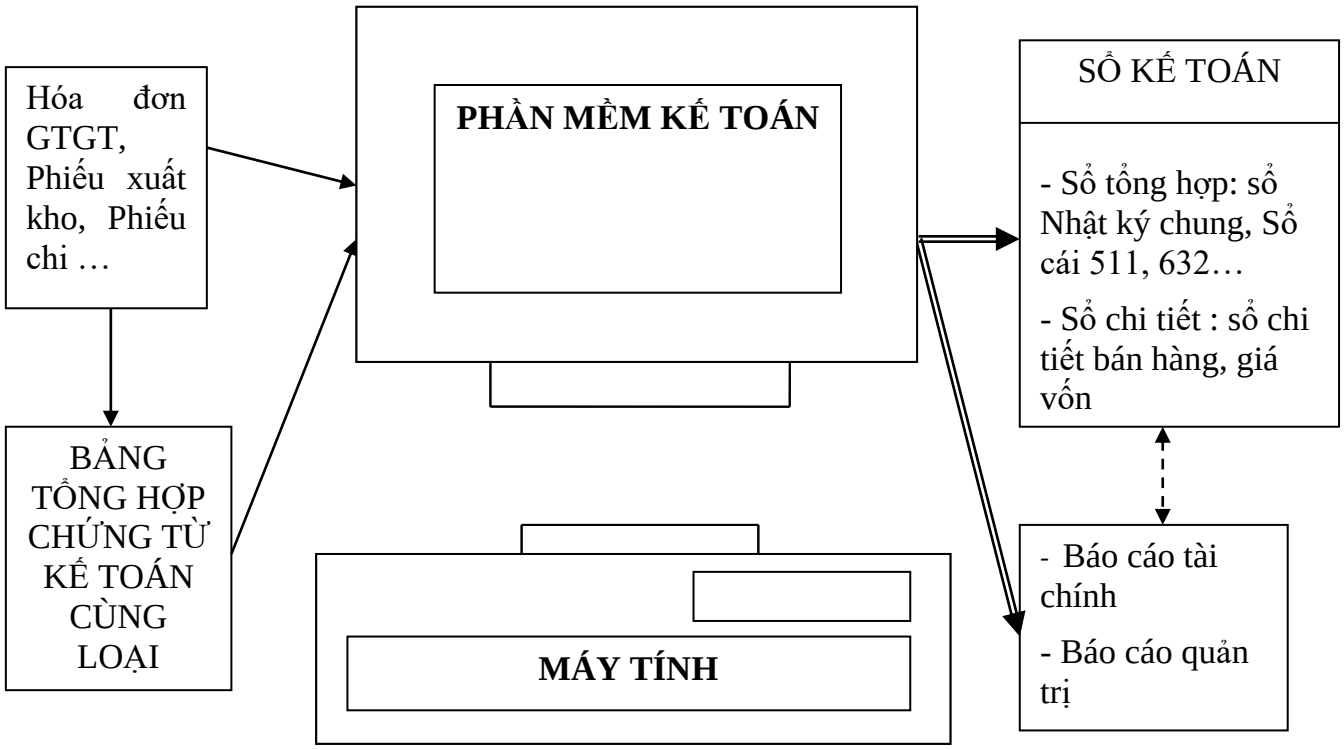

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kì

Đối chiếu, kiểm tra

Sơ đồ 1.11 – Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên Máy vi tính

CHƯƠNG 2
THỰC TRẠNG TỔ CHỨC CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÙI NGUYỄN

2.1 Khái quát chung về công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn

2.1.1.Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Bùi Nguyễn là doanh nghiệp tư nhân được thành lập ngày 27/10/2012 theo quyết định của UBND thành phố Hải Phòng.

- Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Thương Mại Bùi Nguyễn
- Tên giao dịch: BUI NGUYEN TRADING COMPANY LIMITED
- Trụ sở chính: 30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng
- Điện thoại: 0313260136
- Mã số thuế: 0201653295

Ngành nghề kinh doanh

Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn là đơn vị kinh doanh các mặt hàng cơ khí xây dựng. Ngành nghề chính của công ty là:

- Cung cấp thiết bị cơ khí, công cụ
- Cung cấp vật liệu thép và các phụ kiện
- Cung cấp hệ thống đường ống và phụ kiện
- Cung cấp điện, thiết bị dụng cụ và phụ kiện
- Cung cấp các linh kiện – vật liệu cho công việc chế tạo

2.1.2.Tổ chức bộ máy quản lý của công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

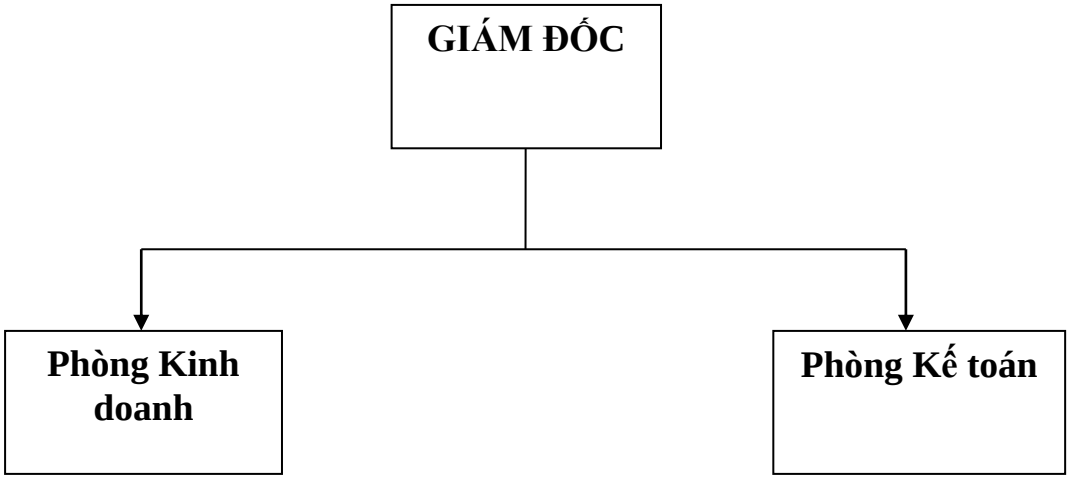

Giám đốc: là người đại diện theo pháp luật của công ty, chịu trách nhiệm về quản lý, điều hành tất cả mọi công việc hàng ngày của toàn công ty.

Phòng kinh doanh: chịu trách nhiệm thực hiện các hoạt đông tiếp thị - bán hàn tới khách hàng nhằm đạt mục tiêu về doanh số.

Phòng kế toán: quản lý, kiểm tra, hướng dẫn và thực hiện chế độ kế toán. Quản lý tài chính, tài sản theo Pháp lệnh của Nhà nước, điều lệ và quy chế tài chính của công ty. Đáp ứng nhu cầu tài chính cho mọi hoạt động kinh doanh của công ty theo kế hoạch. Tiếp nhận và xử lý các công việc nội bộ trong doanh nghiệp. Lưu trữ, phát hành văn bản, con dấu có tính chất pháp lý và chịu trách nhiệm trước ban Giám đốc và pháp luật về tính pháp lý.

2.1.3.Tổ chức công tác kế toán tại công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn

2.1.3.1.Tổ chức bộ máy kế toán

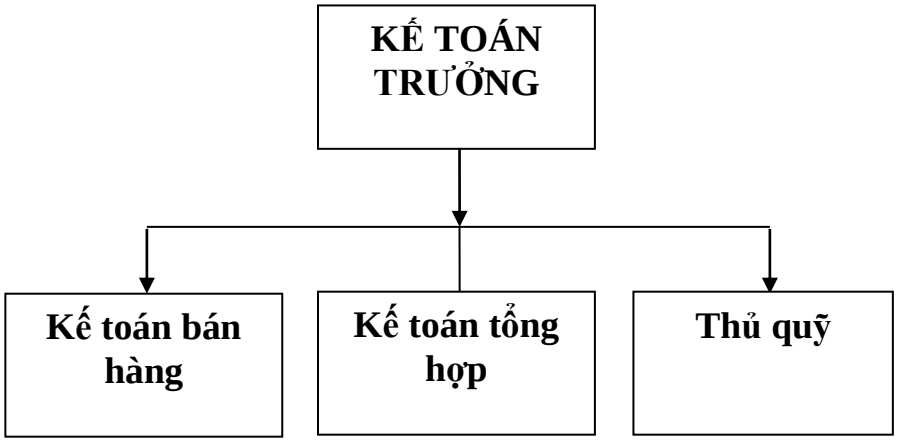

- Kế toán trưởng: người đứng đầu phòng kế toán. Chịu trách nhiệm trước giám đốc công ty, các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp, có trách nhiệm tổ chức điều hành công tác kế toán trong công ty. Đôn đốc, giám sát chỉ đạo và kiểm tra các công việc do nhân viên kế toán tiến hành.
- Kế toán tổng hợp: Có trách nhiệm phụ trách bao quát tất cả các số liệu tiền lương, TSCĐ, NVL, giá thành, tiền mặt, TGNH và các khoản công nợ để có thể cung cấp một cách chính xác bất cứ lúc nào cho kế toán trưởng hay giám đốc hoặc Phó Giám đốc.
- Kế toán bán hàng: lập hóa đơn bán hàng, theo dõi và tổng hợp số lượng hàng hóa bán được để lập Báo cáo về tình hình bán hàng, tình hình tăng giảm của hàng hóa theo yêu cầu của quản lý doan nghiệp.
- Thủ quỹ: quản lý thu – chi tiền mặt. Theo dõi và quản lý luồng tiền qua quỹ và quản lý tiền.

2.1.3.2.Các chính sách và phương pháp kế toán áp dụng tại công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

- Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn áp dụng chế độ kế toán ban hành theo QĐ số 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC.

- Hình thức kế toán áp dụng: Nhật ký chung

- Kỳ kế toán: Bắt đầu từ ngày 01/01 và kế thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- Đơn vị tiền tệ sử dụng là đồng Việt Nam

- Phương pháp tính thuế GTGT: phương pháp khấu trừ.

- Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: phương pháp kê khai thường xuyên.

- Phương pháp tính giá hàng xuất kho: bình quân gia quyền liên hoàn.

2.1.3.3.Tổ chức hệ thống sổ kế toán

Hình thức kế toán: *Nhật ký chung*

Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

Hình thức kế toán Nhật ký chung gồm có các loại sổ kế toán sau:

- Sổ nhật ký chung;
- Sổ Cái;
- Sổ chi tiết các tài khoản;

Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung

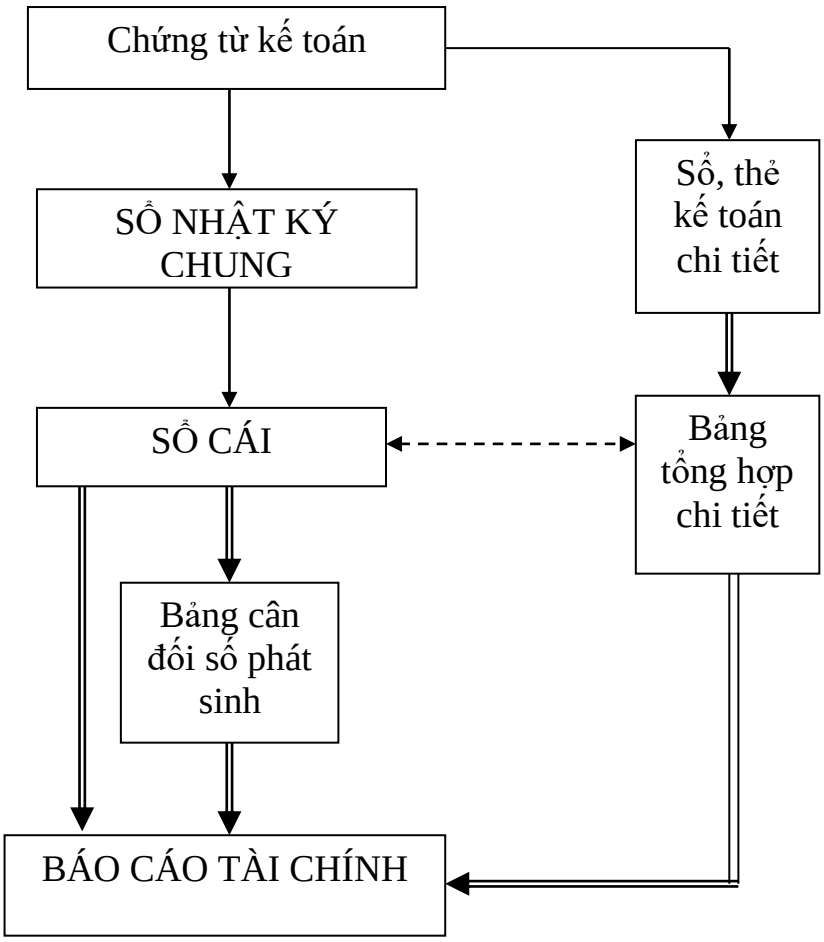

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kì

Đối chiếu, kiểm tra

2.2 Thực trạng công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn.

2.2.1.Kế toán doanh thu bán hàng

2.2.1.1.Đặc điểm doanh thu bán hàng tại công ty

Hiện nay Công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn chuyên phân phối kinh doanh các mặt hàng cơ khí, xây dựng. Vì vậy, doanh thu bán hàng của công ty là doanh thu bán các loại hàng hóa như: đai thép, dây hàn, tôn, ống nhựa, đĩa cưa…

Phương thức bán hàng

Công ty tiến hành bán hàng theo phương thức bán hàng trực tiếp mà chủ yếu là bán buôn và bán lẻ, có thể thu được tiền ngay hoặc được người mua chấp nhận thanh toán. Theo phương thức bán hàng này, công tác bán hàng ở công ty được thực hiện dưới các hình thức sau:

- Bán buôn: là hình thức bán hàng chủ yếu của công ty, nó chiếm tỷ trọng lớn trong khối lượng tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa. Theo hình thức này, công ty ký hợp đồng bán hàng với các khách hàng, căn cứ vào hợp đồng công ty xuất hàng tại kho và viết hóa đơn GTGT cho khách hàng.
- Bán lẻ: khách hàng trực tiếp đến cửa hàng của công ty để mua hàng. Kế toán lập hóa đơn GTGT, phiếu thu và đồng thời ghi nhận doanh thu. Hàng hóa bán lẻ chủ yếu phục vụ trực tiếp người tiêu dùng và đáp ứng nhu cầu thị trường.

2.2.1.2.Chứng từ sử dụng

- Hợp đồng kinh tế, đơn đặt hàng, hóa đơn GTGT

- Các chứng từ thanh toán: phiếu thu, giấy báo có…

- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.1.3.Tài khoản sử dụng

- TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

- Các tài khoản có liên quan khác như: TK 3331, TK 156, TK 911

2.2.1.4.Quy trình hạch toán

Sơ đồ quy trình hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

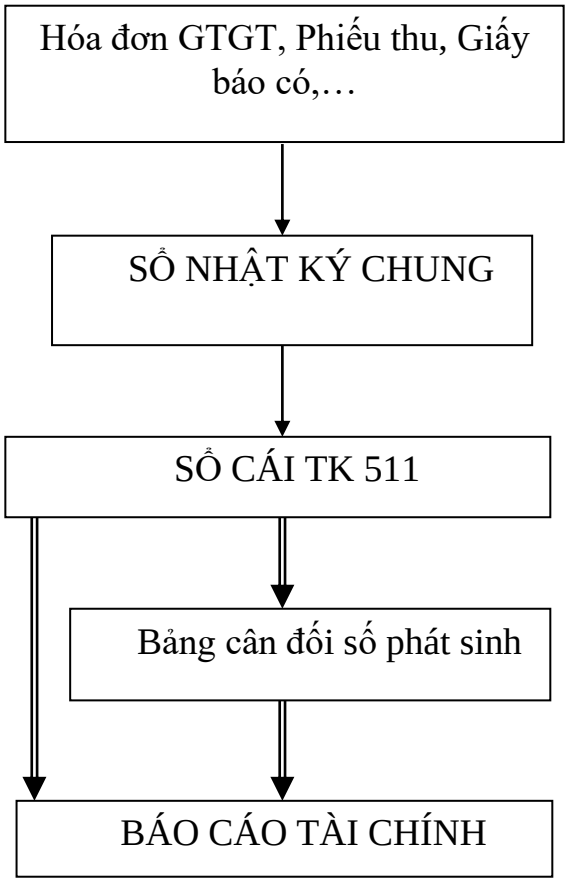

Ghi chú:

⟶ Ghi hàng ngày

⟹ Ghi cuối tháng hoặc định kì

2.2.1.5.Ví dụ minh họa

Ví dụ 1: Ngày 05/10/2016 bán đĩa cưa cho công ty TNHH thương mại Thành An

Kế toán định khoản

Nợ TK 112: 140.250.000

Có TK 511: 127.500.000

Có TK 3331: 12.750.000

Kế toán tiến hành lập hóa đơn GTGT số 0000612 **(Biểu 2.1)** và giao liên 2 hóa đơn này cho khách hàng, công ty TNHH TM Thành An chuyển tiền qua ngân hàng, công ty nhận được giấy báo có ngày 5/10/2016 của ngân hàng TMCP Á Châu – Hải Phòng **(Biểu 2.2)** thông báo về số tiền đã nhận được Từ HĐ số 0000612 kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung **(Biểu số 2.5)**. Từ số liệu trên sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511 **(Biểu số 2.6)**

Ví dụ 2: Ngày 16/11/2016 bán ống nhựa uPVC 12 cho công ty TNHH thương mại xây dựng Anh Minh

Kế toán định khoản:

Nợ TK 111 : 7.128.000

Có TK 511 : 6.480.000

Có TK 3331 : 648.000

Kế toán tiến hành lập phiếu thu số **(Biểu số 2.3)** hóa đơn GTGT số 0000653 **(Biểu số 2.4)** và giao liên 2 này cho khách hàng. Công ty TNHH TM xây dựng Anh Minh trả tiền hàng bằng tiền mặt. Từ HĐ số 0000635 kế toán tiền hành ghi sổ Nhật ký chung **(Biểu số 2.5)**. Từ sổ Nhật ký chung, kế toán vào sổ cái TK 511 **(Biểu số 2.6)**

HÓA ĐƠN Mẫu số : 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu : AA/16P

Liên 3: Nội bộ **Số : 0000612**

Ngày 5 tháng 10 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Mã số thuế: 02001653295

Địa chỉ: Số 30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.518.218

Số tài khoản**:** 1063148518 tại Ngân hàng TMCP Á Châu Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Đào Duy Tú

Tên đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Thành An

Địa chỉ: Tiểu khu Bình Thắng, Bình Lục, Hà Nam

Mã số thuế: 0700193452

Hình thức thanh toán: CK Số TK: 6721489897632 tại NH TMCP Công Thương

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Đĩa cưa nhôm	Miếng	200	637.500	127.500.000

Cộng tiền hàng : 127.500.000

Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT: 12.750.000

Tổng cộng thanh toán : 140.250.000

Số tiền viết bằng chữ: *Một trăm bốn mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Kí,ghi rõ họ tên)	*(Kí,ghi rõ họ tên)*	*(Kí,đóng dấu,ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập,giao nhận hóa đơn)

Biểu số 2.1 – Hóa đơn GTGT số 0000612

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu

Chi nhánh: ACB – Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ **Số: 197**

Ngày: 05 - 10 - 2016 Mã GDV:

Mã KH: 45389

Số GD: 113303

Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÙI NGUYỄN

Mã số thuế : 0201653295

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: **1063148518**

Số tiền bằng số: 140.250.000

Số tiền bằng chữ: *Một trăm bốn mươi triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng*

Nội dung: Công ty TNHH thương mại Thành An thanh toán tiền hàng

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT**

Biểu số 2.2 – Giấy báo có ngày 5/10/2016

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

Điện thoại:

Mẫu số 01-TT

(*Theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

PHIẾU THU Số: 247

Ngày 16 tháng 11 năm 2016 NỢ TK 111

CÓ TK 511

CÓ TK 3331

Họ, tên người nộp tiền: Lê Mạnh Khôi

Địa chỉ: Công ty TNHH Thương mại xây dựng Anh Minh

Lý do thu: Công ty TNHH TM XD Anh Minh thanh toán tiền mua ống nhựa

Số tiền: 7.128.000 đ (viết bằng chữ*): Bảy triệu một trăm hai mươi tám ngàn đồng*

Kèm theo: 01 HĐ GTGT

Giám đốc Kế toán trưởng Thủ quỹ Người lập phiếu Người nộp tiền

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)*:*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

Biểu số 2.3 – Phiếu thu số 247

HÓA ĐƠN Mẫu số : 01GTKT3/001

GIÁ TRỊ GIA TĂNG Ký hiệu : AA/16P

Liên 3: Nội bộ **Số : 0000653**

Ngày 16 tháng 11 năm 2016

Đơn vị bán hàng: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Mã số thuế: 02001653295

Địa chỉ: Số 30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

Điện thoại: 0313.518.218

Số tài khoản**:** 1063148518 tại Ngân hàng TMCP Á Châu Hải Phòng

Họ tên người mua hàng: Lê Mạnh Khôi

Tên đơn vị: Công ty TNHH thương mại xây dựng Anh Minh

Địa chỉ: An Đồng – An Dương – TP Hải Phòng

Mã số thuế: 0200783929

Hình thức thanh toán: TM Số TK: 002100159648 tại NH TMCP Quân Đội

STT	Tên hàng hóa,dịch vụ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5	6=4x5
1	Ống nhựa uPVC 12	m	200	32.400	6.480.000

Cộng tiền hàng : 6.480.000

Thuế suất GTGT : 10% Tiền thuế GTGT: 648.000

Tổng cộng thanh toán : 7.128.000

Số tiền viết bằng chữ: *Bảy triệu một trăm hai mươi tám ngàn đồng*

Người mua hàng	**Người bán hàng**	**Thủ trưởng đơn vị**
(Kí,ghi rõ họ tên)	*(Kí,ghi rõ họ tên)*	*(Kí,đóng dấu,ghi rõ họ tên)*

(Cần kiểm tra, đối chiếu khi lập,giao nhận hóa đơn)

Biểu số 2.4 – Hóa đơn GTGT số 0000635

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BT*

ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016 Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			…….			
05/10	**HD612** **GBC197**	**05/10**	**Bán đĩa cưa cho cty TNHH thương mại Thành An**	**112** **511** **3331**	**140.250.000**	 **127.500.000** **12.750.000**
05/10	PX261	05/10	Giá vốn đĩa cưa	632 156	118.189.200	 118.189.200
			…….			
16/11	**HD653** **PT247**	**16/11**	**Bán ống nhựa cho công ty TNHH TM XD Anh Minh**	**111** **511** **3331**	**7.128.000**	 **6.480.000** **648.000**
16/11	PX284	16/11	Giá vốn ống nhựa	632 156	5.720.000	 5.720.000
17/11	HD654	17/11	Bán mũi khoan thép cho công ty Hồng Minh	131 511 3331	38.797.000	 35.270.000 3.527.000
17/11	PX285	17/11	Giá vốn mũi khoan thép	632 156	31.380.000	 31.380.000
			…….			
			Cộng phát sinh		**120.881.444.609**	**120.881.444.609**

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Giám đốc
(ký, họ tên, đóng dấu)

Biểu số 2.5 – Sổ Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Số hiệu tài khoản: 511

Năm 2016 *Đơn vị tính : đồng*

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐU	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			…….			
05/10/2016	**HD612**	**05/10/2016**	**Bán đĩa cưa cho công ty TNHH TM Thành An**	**112**		**127.500.000**
			…….			
16/11/2016	**HD653**	**16/11/2016**	**Bán ống nhựa cho công ty TNHH TMXD Anh Minh**	**111**		**6.480.000**
17/11/2016	**HD654**	**17/11/2016**	Bán mũi khoan thép cho công ty Hồng Minh	131		35.270.000
			…….			
31/12/2016	PKT15	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu năm 2016	911	15.922.596.900	
			Cộng phát sinh		**15.922.596.900**	**15.922.596.900**

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu 2.6 – Sổ cái TK 511 (Trích)

2.2.2.Kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

2.2.2.1.Nội dung giá vốn hàng bán

Giá vốn của hàng bán tại công ty là giá trị thực tế xuất kho của số hàng hóa đã bán trong kỳ. Công ty tính giá vốn hàng bán theo phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này vừa đảm bảo tính kịp thời của số liệu kế toán, vừa phản ánh được tình hình biến động của giá cả. Việc tính toán trị giá vốn hàng xuất bán có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi có tính toán đúng trị giá vốn hàng xuất bán mới xác định chính xác kết quả bán hàng. Hơn nữa, trị giá vốn của hàng xuất bán thường chiếm tỷ trọng chủ yếu trong kỳ kinh doanh. Do đó, nếu không phản ánh đúng trị giá vốn sẽ dẫn tới kết quả bán hàng bị sai lệch.

Đơn giá xuất kho của hàng tồn kho luôn được thay đổi dựa trên sự thay đổi của đơn giá nhập kho của hàng tồn kho. Tức là sau mỗi lần mua hàng tồn kho về doanh nghiệp kế toán phải thực hiện tính lại đơn giá hàng nhập kho dựa trên giá trị về số lượng hàng tồn kho đang có tại doanh nghiệp

Phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn:

$$\textit{Đơn giá bình quân sau mỗi lần nhập} = \frac{\textit{Trị giá hàng tồn sau mỗi lần nhập}}{\textit{Số lượng hàng tồn sau mỗi lần nhập}}$$

2.2.2.2.Chứng từ và tài khoản sử dụng

Chứng từ sử dụng

- Phiếu xuất kho.
- Các chứng từ khác có liên quan.

Tài khoản sử dụng

- TK 632 - Giá vốn hàng bán
- TK 156 - Hàng hóa

2.2.2.3.Quy trình kế toán giá vốn hàng bán

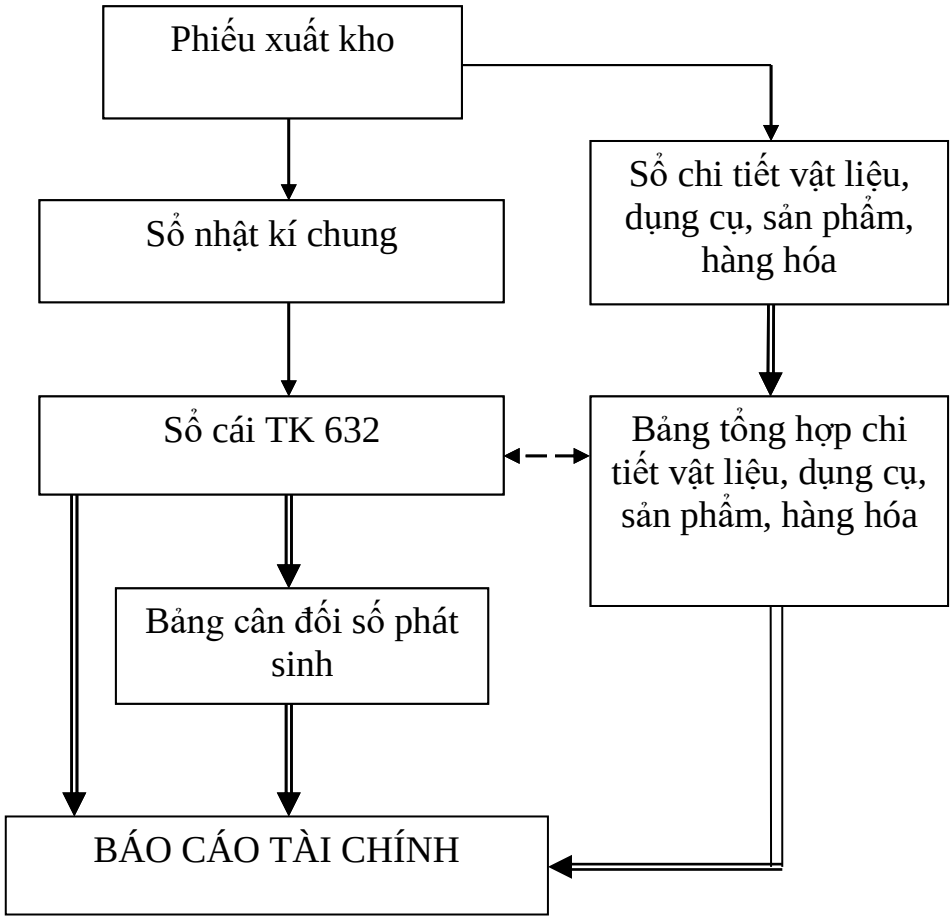

Quy trình hạch toán giá vốn hàng bán tại công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng hoặc định kỳ

Quan hệ đối chiếu,kiểm tra

Hàng ngày, căn cứ vào chứng từ gốc đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổm kế toán ghi số liệu vào sổ Nhật ký chung. Sau đó, căn cứ vào số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái TK 632.

Cuối kỳ, kế toán tập hợp các số liệu từ sổ Cái để lập Bảng cân đối số phát sinh. Từ đó, lập Báo cáo tài chính.

2.2.2.4.Ví dụ minh họa

Ví dụ 3 (minh họa tiếp ví dụ 1)

Ngày 05/10/2016 bán đĩa cưa nhôm cho công ty TNHH thương mại Thành An

Kế toán định khoản

Nợ TK 632: 118.189.200

Có TK 156: 118.189.200

Trị giá xuất kho của đĩa cưa nhôm được tính như sau:

Tồn đầu tháng 10/2016, mặt hàng đĩa cưa nhôm của công ty là 70 miếng, đơn giá 595.000đ/miếng, thành tiền 595.000 x 70 = 41.650.000đ

Ngày 3/10, mua 300 miếng đĩa cưa của công ty TNHH Vân Lĩnh, đơn giá: 590.000đ/miếng.

Ngày 5/10, công ty bán cho công ty TNHH thương mại Thành An 200 đĩa cưa với đơn giá được tính như sau:

$$\textbf{Đơn giá xuất kho} = \frac{\textbf{41.650.000 + 590.000 x 300}}{\textbf{370}} = \textbf{590.946đ}$$

Trị giá xuất kho ngày 5/10 = 590.946 x 200 = 118.189.200

Ví dụ 4 (minh họa tiếp ví dụ 2)

Ngày 16/11/2016 bán ống nhựa uPVC 12 cho công ty TNHH thương mại xây dựng Anh Minh

Kế toán định khoản:

Nợ TK 632 : 5.720.000

Có TK 156 : 5.720.000

Trị giá xuất kho của ống nhựa được tính như sau:

Tồn ống nhựa đầu tháng 11/2016 là 150m, đơn giá 28.800/m

Ngày 4/11, công ty mua của công ty CP nhựa Bình Minh 300m ống nhựa, đơn giá 28.500/m

Ngày 10/11, xuất bán cho chị Nguyễn Thị Vân Anh 50m

$$\textbf{Đơn giá xuất kho} = \frac{\textbf{28.800 x 150 + 28.500 x 300}}{\textbf{150+300}} = \textbf{28.600đ}$$

Trị giá xuất ngày 10/11 = 28.600 x 50 = 1.430.000đ

Ngày 16/11, xuất bán cho công ty TNHH thương mại xây dựng Anh Minh 200m

Trị giá xuất kho ngày 16/11 = 28.600 x 200 = 5.720.000đ

Căn cứ vào phiếu xuất kho số 261 (Biểu số 2.7) và phiếu xuất kho 284 (Biểu 2.8), kế toán tiến hành ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu 2.9) từ Nhật ký chung vào sổ Cái TK 632 (Biểu số 2.10)

Đơn vi: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn
Bộ phận: Kho công ty

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 05 tháng 10 năm 2016 *Nợ: 632*

Số: 261 *Có: 156*

- Họ và tên người nhận hàng: Nguyễn Ngọc Anh
- Địa chỉ (bộ phận): Phòng Kinh Doanh
- Lý do xuất kho: xuất kho bán hàng theo HĐ GTGT 0000612
- Xuất tại kho: kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Đĩa cưa nhôm	DC50	Miếng	200	200	590.946	118.189.200
	Cộng	x	x	x	x	x	118.189.200

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Một trăm mười tám triệu một trăm tám mươi chín ngàn hai trăm đồng*
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐ GTGT

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.7 – Phiếu xuất kho ngày 5/10/2016

Đơn vi: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn
Bộ phận: Kho công ty

Mẫu số: 02 – VT
(Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC Ngày 14/9/2006 của Bộ trưởng BTC)

PHIẾU XUẤT KHO

Ngày 16 tháng 11 năm 2016 *Nợ: 632*

Số: 284 *Có: 156*

- Họ và tên người nhận hàng: Phạm Xuân Nam
- Địa chỉ (bộ phận): Phòng Kinh doanh
- Lý do xuất kho: xuất kho bán hàng theo HĐ GTGT 0000653
- Xuất tại kho: kho công ty

STT	Tên vật tư	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Yêu cầu	Thực xuất		
1	Ống nhựa uPVC	NP12	m	200	200	28.600	5.720.000
	Cộng	x	x	x	x	x	5.720.000

- Tổng số tiền (viết bằng chữ): *Năm triệu bảy trăm hai mươi ngàn đồng*
- Số chứng từ gốc kèm theo: 01 HĐ GTGT

Người lập phiếu	Người nhận hàng	Thủ kho	Kế toán trưởng	Giám đốc
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)

Biểu 2.8 – Phiếu xuất kho ngày 16/11/2016

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016

Đơn vị tính : đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	SHTK	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			…….			
05/10	HD612 GBC197	05/10	Bán đĩa cưa cho cty TNHH TM Thành An	112 511 3331	140.250.000	 127.500.000 12.750.000
05/10	**PX261**	**05/10**	**Giá vốn đĩa cưa**	**632** **156**	**118.189.200**	 **118.189.200**
			…….			
16/11	HD653 PT247	16/11	Bán ống nhựa cho cty TNHH TMXD Anh Minh	111 511 3331	7.128.000	 6.480.000 648.000
16/11	**PX284**	**16/11**	**Giá vốn ống nhựa**	**632** **156**	**5.720.000**	 **5.720.000**
17/11	HD654	17/11	Bán mũi khoan thép cho công ty Hồng Minh	131 511 3331	38.797.000	 35.270.000 3.527.000
17/11	PX285	17/11	Giá vốn mũi khoan thép	632 156	31.380.000	 31.380.000
	…….	……	……..	…….	……	…….
			Cộng phát sinh		**120.881.444.609**	**120.881.444.609**

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu 2.9 – Sổ Nhật Ký chung (trích)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Giá vốn hàng bán

Số hiệu tài khoản: 632

Năm 2016 *Đơn vị tính : đồng*

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			…….			
05/10/2016	**PX261**	**05/10/2016**	**Giá vốn đĩa cưa nhôm**	**156**	**118.189.200**	
			…….			
16/11/2016	**PX284**	**16/11/2016**	**Giá vốn ống nhựa uPVC 12**	**156**	**5.720.000**	
17/11/2016	PX285	17/11/2016	Giá vốn mũi khoan thép	156	31.380.000	
			…….			
31/12/2016	PKT16	31/12/2016	Kết chuyển giá vốn năm 2016	911		14.429.485.501
			Cộng phát sinh trong năm		**14.429.485.501**	**14.429.485.501**

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu 2.10 – Sổ cái TK 632 (Trích)

2.2.3.Kế toán chi phí quản lý kinh doanh tại công ty

2.2.3.1.Đặc điểm chi phí quản lý kinh doanh

Tại công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn, chi phí quản lý kinh doanh bao gồm:

+ Chi phí lương nhân viên bán hàng, nhân viên quản lý doanh nghiệp

+ Chi phí về đồ dùng văn phòng, dịch vụ viễn thông và các chi phí khác.

2.2.3.2.Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT

- Phiếu chi, giấy báo nợ

- Bảng phân bổ tiền lương

- Các chứng từ khác có liên quan

2.2.3.3.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 642 "Chi phí quản lý kinh doanh"

- Các tài khoản khác có liên quan: 111,112

2.2.3.4.Quy trình hạch toán

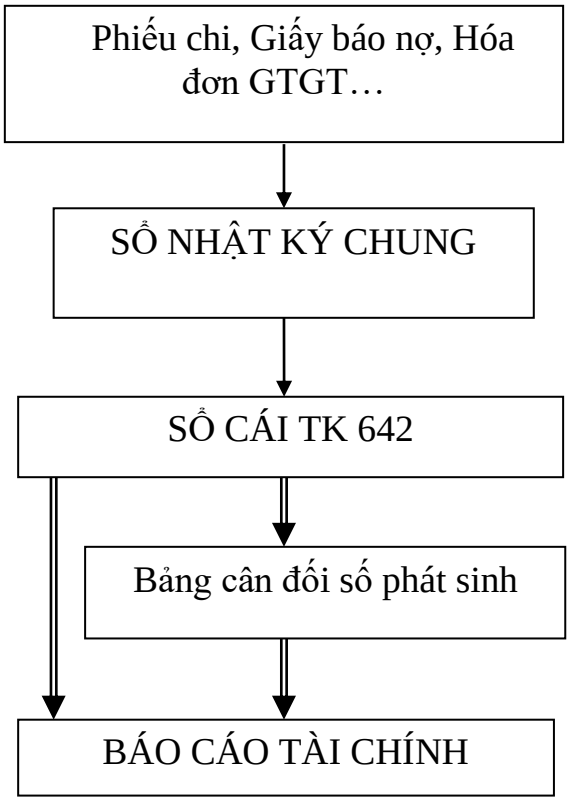

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Đối chiếu,kiểm tra

Ví dụ minh họa

Ví dụ 5: Ngày 10/12/2016 công ty thanh toán tiền cước dịch vụ viễn thông với số tiền 1.256.338 đ

Kế toán định khoản

Nợ TK 642: 1.256.338

Nợ TK 133: 125.634

Có TK 111: 1.381.972

Căn cứ vào HĐ dịch vụ viễn thông (Biểu số 2.11) kế toán lập Phiếu chi (Biểu số 2.12)

Kế toán ghi vào sổ Nhật ký chung (Biểu số 2.13) và sổ Cái TK 642(Biểu số 2.14)

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ VIỄN THÔNG (GTGT)

TELECOMMUNICATION SERVICE INVOICE

(VAT)

Mẫu số: 01GTKT-2LN-03

Ký hiệu: AC/2016T

Số: 2945591

Liên 2: Giao cho người mua (Customer copy)

Mã số thuế: 0106869738-056

Viễn thông (Telecommunication): Hải Phòng – TT Dịch vụ khách hàng

Địa chỉ: Số 4 Lạch Tray - Lạch Tray - Ngô Quyền - Hải Phòng

Tên khách hàng (Customer's name) : Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Mã số thuế: 0201653295

Địa chỉ (Address): Số 30/11 Trần Bình Trọng - Lương Khánh Thiện - Ngô Quyền - Hải Phòng

Số điện thoại: 0313260136

Hình thức thanh toán: Tiền Mặt

STT	DỊCH VỤ SỬ DỤNG (KIND OF SERVICE)	ĐVT (UNIT)	SỐ LƯỢNG	ĐƠN GIÁ (PRICE)	THÀNH TIỀN (AMOUNT)
	KỲ HÓA ĐƠN THÁNG 11/2016				
	1.Cước DV viễn thông				1.256.338
	2.Cước dịch vụ viễn thông không thuế				0
	3.Chiết khấu + Đa dịch vụ				0
	4.Khuyến mại				0
	5.Trừ đặt cọc + trích + thưởng + nợ				0
(1+2+3+4) Cộng tiền dịch vụ (Total) (A):					**1.256.338**
Thuế suất GTGT (VAT rule): 10% x (1) = VAT amount (B):					**125.634**
(A+B+5) Tổng cộng tiền thanh toán (Grand total) (A+B):					**1.381.972**

Số tiền viết bằng chữ (In words): *Một triệu ba trăm tám mốt ngàn chín trăm bảy hai đồng*

Ngày 10 tháng 12 năm 2016

Người nộp tiền ký

(Signature of payer)

Nhân viên giao dịch ký

(Signature of dealing staff)

Biểu 2.11 – Hóa đơn dịch vụ viễn thông ngày 10/12/2016

Đơn vị: Công ty TNHH Thương mại Bùi Nguyễn

Mẫu số 02-TT

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện. Ngô Quyền, TP Hải Phòng

(*Theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

Điện thoại:

PHIẾU CHI Số: 368

Ngày 10 tháng 12 năm 2016 NỢ TK 642

NỢ TK 133

CÓ TK 111

Họ, tên người nhận tiền: Nguyễn Ngọc Anh

Địa chỉ: Phòng Kinh doanh

Lý do chi: Thanh toán tiền cước viễn thông T11/2016

Số tiền: 1.381.972 đ (viết bằng chữ*): Một triệu ba trăm tám mốt ngàn chín trăm bảy hai đồng*

Kèm theo: 01 HĐ GTGT

Giám đốc **Kế toán trưởng** **Thủ quỹ** **Người lập phiếu** **Người nhận tiền**

(Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên) (Ký, ghi rõ họ tên)

Đã nhận đủ số tiền (viết bằng chữ)*:*

+ Tỷ giá ngoại tệ (vàng bạc, đá quý):.....

+ Số tiền quy đổi:.....VNĐ.....

Biểu 2.12 – Phiếu chi số 368

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016 Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			……..			
05/10	HD612 GBC197	05/10	Bán đĩa cưa cho công ty TNHH TM Thành An	112 511 3331	140.250.000	 127.500.000 12.750.000
05/10	PX261	05/10	Giá vốn đĩa cưa	632 156	118.189.200	 118.189.200
			……..			
27/10	PC325 GBC201	27/10	Nộp tiền mặt vào TK ngân hàng	112 111	100.000.000	 100.000.000
			……..			
10/12	**HD5591 PC368**	**10/12**	**Thanh toán tiền cước điện thoại T11/2016**	**642 133 111**	**1.256.338 125.634**	 **1.381.972**
			……..			
			Cộng phát sinh		**120.881.444.609**	**120.881.444.609**

Người ghi sổ *(Ký, họ tên)*

Kế toán trưởng *(ký, họ tên)*

Giám đốc *(ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu 2.13 – Sổ Nhật ký chung (trích)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Chi phí quản lý kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 642

Năm 2016 *Đơn vị tính : đồng*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			…….			
07/10/2016	PC311	07/10/2016	Chi tiền mua văn phòng phẩm	111	1.638.000	
			…….			
10/12/2016	**PC368**	**10/12/2016**	**Thanh toán tiền cước điện thoại T11/2016**	**111**	**1.256.338**	
			…….			
31/12/2016	PKT16	31/12/2016	Kết chuyển chi phí QLKD năm 2016	911		1.537.252.338
			Cộng phát sinh trong năm		**1.537.252.338**	**1.537.252.338**

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.14 – Sổ Cái TK 642 (trích)

2.2.4.Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

2.2.4.1.Đặc điểm doanh thu hoạt động tài chính và chi phí tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính của Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn bao gồm các khoản lãi như lãi tiền gửi ngân hàng.

2.2.4.2.Chứng từ sử dụng

- Giấy báo Có
- Phiếu trả lãi tài khoản

2.2.4.3.Tài khoản sử dụng

- Tài khoản 515 " Doanh thu hoạt động tài chính"
- Tài khoản 635 " Chi phí tài chính"
- Các tài khoản có liên quan

2.2.4.4.Quy trình hạch toán

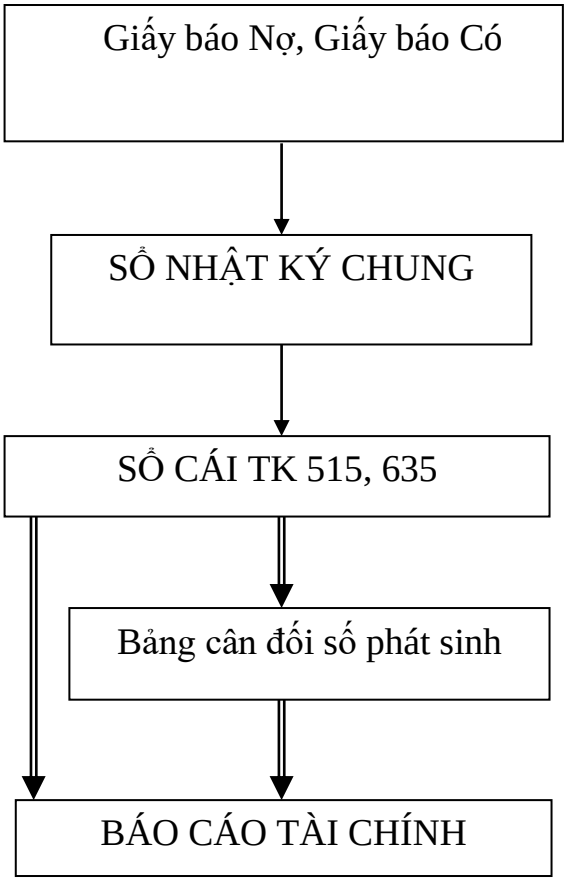

Ghi chú

Ghi hàng ngày

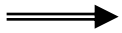 Ghi định kỳ

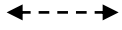 Đối chiếu,kiểm tra

2.2.4.5.Ví dụ minh họa

Ví dụ 6: Ngày 30/11/2016 công ty nhận được giấy báo có của ngân hàng về lãi tiền gửi tháng 11

Kế toán định khoản

Nợ TK 112: 75.712

Có TK 515: 75.712

Căn cứ vào Giấy báo có của Ngân hàng (**Biểu số 2.15),** kế toán phản ánh vào sổ Nhật ký chung **(Biểu số 2.16)** sau đó vào sổ cái TK 515 **(Biểu số 2.17)**

Ngân Hàng Thương Mại Cổ Phần Á Châu

Chi nhánh: ACB – Hải Phòng

GIẤY BÁO CÓ **Số: 204**

Ngày: 30 - 11 - 2016 Mã GDV:

Mã KH: 453891

Số GD: 10928

Kính gửi: CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÙI NGUYỄN

Mã số thuế : 0201653295

Hôm nay, chúng tôi xin báo đã ghi Có tài khoản của quý khách với nội dung như sau:

Số tài khoản ghi Có: **1603148518**

Số tiền bằng số: 75.712

Số tiền bằng chữ: *Bảy mươi lăm ngàn bảy trăm mười hai đồng*

Nội dung: Lãi nhập vốn

GIAO DỊCH VIÊN **KIỂM SOÁT**

Biểu số 2.15 – Giấy Báo Có 25/10

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016 Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			…….			
05/10	HD612 GBC197	05/10	Bán đĩa cưa cho công ty TNHH TM Thành An	112 511 3331	140.250.000	 127.500.000 12.750.000
05/10	PX261	05/10	Giá vốn đĩa cưa	632 156	118.189.200	 118.189.200
			…….			
30/11	**GBC204**	**30/11**	**Ngân hàng trả lãi tiền gửi**	**112** **515**	**75.712**	 **75.712**
			…….			
10/12	HD5591 PC368	10/12	Thanh toán tiền cước điện thoại T11/2016	642 133 111	1.256.338 125.634	 1.381.972
			…….			
			Cộng phát sinh		**120.881.444.609**	**120.881.444.609**

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.16 – Sổ nhật ký chung (trích)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b-DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Doanh thu hoạt động tài chính

Số hiệu tài khoản: 515

Năm 2016 *Đơn vị tính : đồng*

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			……..			
30/11/2016	**GBC204**	**30/11/2016**	**Lãi tiền gửi ngân hàng T11/2016**	**112**		**75.712**
30/12/2016	GBC225	31/12/2016	Lãi tiền gửi ngân hàng T12/2015	112		78.263
31/12/2016	PKT15	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu hoạt động tài chính năm 2016	911	1.671.260	
			Cộng phát sinh trong năm		**1.671.260**	**1.671.260**

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.17 – Sổ cái TK 515 (trích)

2.2.5.Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

Trong năm 2016, công ty không phát sinh nghiệp vụ nào liên quan tới thu nhập khác và chi phí khác

2.2.6.Kế toán xác định kết quả kinh doanh

2.2.6.1.Chứng từ sử dụng

Phiếu kế toán

2.2.6.2.Tài khoản sử dụng

TK 632: Giá vốn hàng bán

TK 635: Chi phí hoạt động tài chính

TK 642: Chi phí quản lý kinh doanh

TK 821: Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

TK 421: Lợi nhuận chưa phân phối

TK 711: Thu nhập khác

TK 811: Chi phí khác

2.2.6.3.Quy trình hạch toán

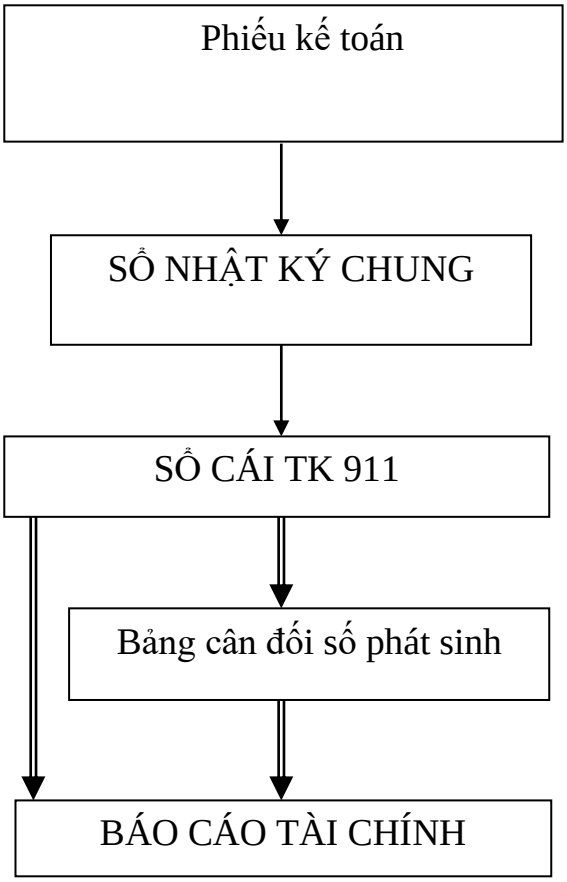

Ghi chú:

Ghi hàng ngày

Ghi định kỳ

Đối chiếu,kiểm tra

2.2.6.4. Ví dụ minh họa:

Kết quả kinh doanh năm 2016 của công ty có thể khái quát như sau:

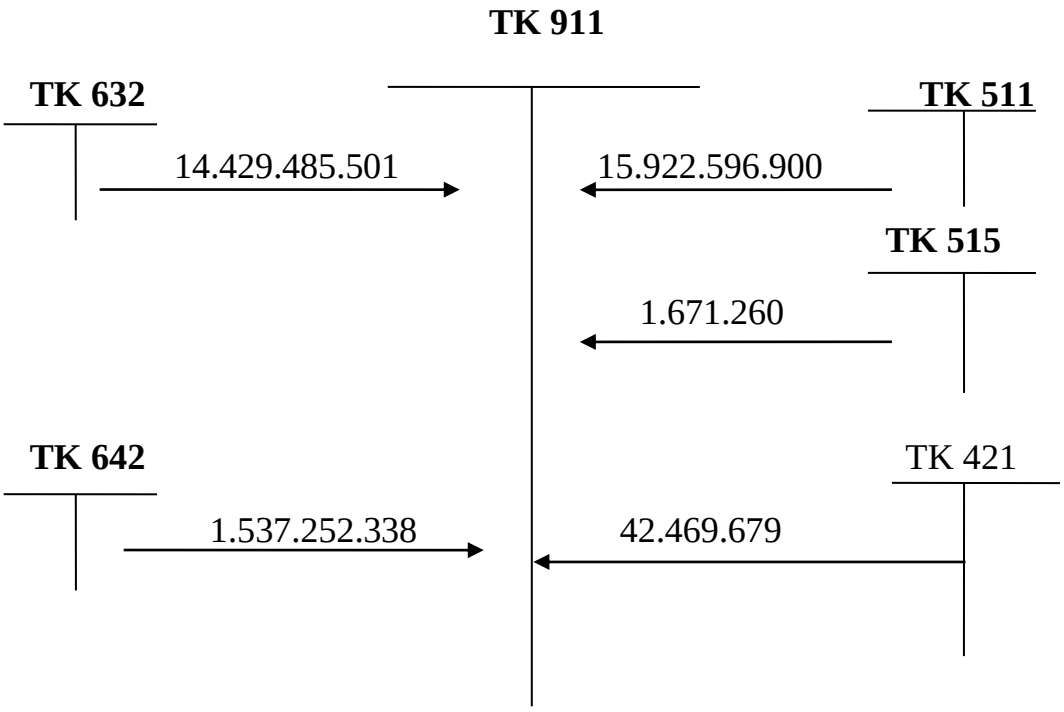

Cuối năm tập hợp số liệu từ sổ sách, kế toán lập các phiếu kế toán kết chuyển xác định kết quả kinh doanh **(Biểu 2.18,2.19,2.20)**

Căn cứ vào các phiếu kế toán kế toán ghi vào nhật ký chung **(Biểu 2.21)**. Từ sổ Nhật ký chung kế toán ghi vào sổ cái TK 911**(biểu 2.22)**

Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 15

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi có TK911			
1	K/c Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	511	911	15.922.596.900
2	K/c Doanh thu hoạt động tài chính	515	911	1.671.260
	Tổng			**15.924.268.160**

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.18 – Phiếu kế toán số 15

Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 16

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Nợ TK911			
1	K/c Giá vốn hàng bán	911	632	14.429.485.501
2	K/c Chi phí quản lý kinh doanh	911	642	1.537.252.338
	Tổng			**15.966.737.839**

Người lập biểu **Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

Biểu số 2.19 – Phiếu kế toán số 16

Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Số 17

STT	Nội dung	TK Nợ	TK Có	Số tiền
	Ghi Có TK911			
2	Kết chuyển lỗ	421	911	42.469.679
	Tổng			42.469.679

Người lập biểu
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20 – Phiếu kế toán số 17

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03a - DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ NHẬT KÝ CHUNG

Năm 2016 Đơn vị tính: đồng

NTGS	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số phát sinh	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
			…….			
31/12	PKT 15	31/12	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511 911	15.922.596.900	15.922.596.900
31/12	PKT 15	31/12	Kết chuyển doanh thu tài chính	515 911	1.671.260	1.671.260
31/12	PKT 16	31/12	Kết chuyển giá vốn	911 632	14.429.485.501	14.429.485.501
31/12	PKT 16	31/12	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	911 642	1.537.252.338	1.537.252.338
31/12	PKT 17	31/12	Kết chuyển lỗ	421 911	42.469.679	42.469.679
			…….			
			Cộng phát sinh		**120.881.444.609**	**120.881.444.609**

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên, đóng dấu)*

<u>Biểu số 2.21 – Sổ Nhật ký chung (trích)</u>

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Xác định kết quả kinh doanh

Số hiệu tài khoản: 911

Năm 2016 *Đơn vị tính : đồng*

NTGS	Chứng từ ghi sổ		Diễn giải	Số hiệu TKĐƯ	Số tiền	
	SH	NT			Nợ	Có
			Số phát sinh			
31/12/2016	PKT15	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu bán hàng	511		15.922.596.900
31/12/2016	PKT15	31/12/2016	Kết chuyển doanh thu tài chính	515		1.671.260
31/12/2016	PKT16	31/12/2016	Kết chuyển giá vốn	632	14.429.485.501	
31/12/2016	PKT16	31/12/2016	Kết chuyển chi phí quản lý kinh doanh	642	1.537.252.338	
31/12/2016	PKT17	31/12/2016	Kết chuyển lỗ	421		42.469.679
			Cộng phát sinh trong năm		**15.966.737.839**	**15.966.737.839**

Người ghi sổ **Kế toán trưởng** **Giám đốc**

Biểu số 2.22 – Sổ Cái TK 911

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Địa chỉ: 30/11 Trần Bình Trọng, P.Lương Khánh Thiện, Q.Ngô Quyền, TP.Hải Phòng

Mẫu số S03b - DNN

(*Ban hành theo QĐ số: 48/2006/QĐ-BTC ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC)*

SỔ CÁI

Tên tài khoản: Lợi nhuận chưa phân phối

Số hiệu tài khoản: 421

Năm 2016 Đơn vị tính: đồng

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	SHTK đối ứng	Số tiền	
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có
			Số dư đầu năm		143.254.625	
31/12	PKT17	31/12	Kết chuyển lỗ	911	42.469.679	
			Cộng phát sinh		42.469.679	
			Số dư cuối năm		185.724.304	

Ngày 31 tháng 12 năm 2016

Người ghi sổ	**Kế toán trưởng**	**Giám đốc**
(Ký, họ tên)	*(ký, họ tên)*	*(ký, họ tên, đóng dấu)*

Biểu số 2.23 – Sổ cái TK 421

Đơn vị: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Thương mại Bùi Nguyễn

Mẫu số B02 – DNN
(Ban hành theo QĐ 48/2006/QĐ-BTC
Ngày 14/09/2016 của Bộ trưởng BTC)

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2016

Đơn vị : đồng

STT	Chỉ tiêu	Mã	Thuyết minh	Số năm nay	Số năm trước
(1)	**(2)**	**(3)**	**(4)**	**(5)**	**(6)**
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	IV.08	15.922.596.900	13.001.203.489
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			
3	**Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)**	**10**		15.922.596.900	**13.001.203.489**
4	Giá vốn hàng bán	11		14.429.485.501	11.771.999.132
5	**Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)**	**20**		**1.493.111.399**	**1.229.204.357**
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21		1.671.260	2.772.929
7	Chi phí tài chính	22			
	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23			
8	Chi phí quản lý kinh doanh	24		1.537.252.338	1.303.725.450
9	**Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + 21 - 22 – 24)**	**30**		**(42.469.679)**	**(71.748.164)**
10	Thu nhập khác	31			
11	Chi phí khác	32			
12	**Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)**	**40**			
13	**Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)**	**50**	**IV.09**	**(42.469.679)**	**(71.748.164)**
14	Chi phí thuế TNDN	51			
15	**Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 – 51)**	**60**		**(42.469.679)**	**(71.748.164)**

Biểu số 2.24 – Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

CHƯƠNG 3
MỘT SỐ GIẢI PHÁP NHẰM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÙI NGUYỄN

3.1 Đánh giá chung về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Ngay từ khi mới thành lập Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn cũng đã có rất nhiều cố gắng và sự nỗ lực hết mình để có được chỗ đứng vững chắc trên thị trường. Trong nhiều năm qua công ty đã không ngừng vươn lên, quá trình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp đã đạt được kết quả đáng khích lệ với hoạt động chủ yếu về kinh doanh các mặt hàng như: ... Công ty đã không ngừng mở rộng về quy mô cả về bề rộng lẫn bề sâu, để đạt được trình độ quản lý như hiện nay và các kết quả đã có được trong thùoi gian quà thì đó là cả một quá trình phấn đấu không ngừng của ban lãnh đạo và tập thể công nhân viên của toàn công ty.

Việc vận dụng sáng tạo các quy luật kinh tế thị trường đồng thời thực hiện chủ trương cải tiến kinh tế và các chính sách kinh tế của Đảng đã đạt được những thành tựu đáng kể, hoàn thành nghĩa vụ đóng góp với Nhà nước, không ngừng nâng cao đời sống của cán bộ công nhân viên.

Qua quá trình thực tập và tìm hiểu tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn, được tiếp nhận với thực tế công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng cùng sự giúp dỡ của các anh, chị phòng kế toán tài chính, em đã có điều kiện làm quen với thực tế và áp dụng, củng cố nhưng kiến thức đã học tại trường. Qua đó, em xin mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhận xét và biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn.

3.1.1.Ưu điểm

Nhìn chung công tác kế toán ở công ty đã dựa trên căn cứ khoa học, đặc điểm tình hình thực tế của công ty và vận dụng một cách sáng tạo chế độ kế toán tài chính hiện hành. Đảm bảo được tính thông nhất về mặt vi phạm, phương pháp kế toán các chỉ tiêu kinh tế giữa kế toán và các bộ phận liên quan.

- Về tổ chức bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán tại công ty tổ chức theo mô hình tập trung hiện nay là khá phù hợp với yêu cầu của công việc và trình độ chuyên môn của từng người. Mỗi nhân viên kế toán phụ trách và tự chịu trách nhiệm về phần hành kế toán được giao nhưng tất cả đều chịu sự chỉ đạo toàn diện, tập trung và thống nhất của kế toán trưởng. Kế toán trưởng có quyền hạn kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện nhiệm vụ của mỗi nhân viên đồng thời cũng phải chịu trách nhiệm trước những sai sót xảy ra trong quá trình hạch toán kế toán. Bên cạnh đó, các nhân viên trong phòng kế toán đều có trình độ chuyên môn và kinh nghiệm thực tế cùng với tinh thần tận tâm, nhiệt tình trong công việc. Chính vì vậy tổ chức công tác kế toán trong công ty đã giảm thiểu được những gian lận, sai sót.

- Về hình thức kế toán

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung. Hình thức này có ưu điểm là đơn giản, dễ làm, dễ sử dụng. Công ty áp dụng phương pháp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, hạch toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ và áp dụng phương pháp tính giá xuất kho là phương pháp bình quân gia quyền liên hoàn. Phương pháp này hoàn toàn phù hợp bởi nó tạo điều kiện thuận lợi cho việc phản ánh ghi chép và theo dõi thường xuyên sự biến động của hàng hóa.

- Về chứng từ kế toán và việc thực hiện quy trình luân chuyển chứng từ

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng đúng theo mẫu của Bộ Tài Chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phần hành nào thì lưu trữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo lên nhau, nguyên tắc phân công, phân nhiệm rõ ràng.

Quá trình luân chuyển chứng từ diễn ra một cách hợp lý giữa các khâu. Kế toán công ty đã tuân theo đúng trình tự ghi sổ kế toán của hình thức kế toán Nhật ký chung. Việc luân chuyển chứng từ được tiến hành một cách nhanh chóng và kịp thời.

- Về hệ thống tài khoản sử dụng

Công ty áp dngj hệ thống tài khoản thống nhất theo quy định của Bộ Tài Chính(Hệ thống tài khoản ban hành theo quyết định 48/2006/QĐ-BTC ban hành ngày 14/09/2006 của Bộ trưởng BTC) về việc áp dụng chế độ kế toán dành cho doanh nghiệp vừa và nhỏ. Đồng thời trong quá trình hạch toán, công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể, thuận tiện và phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của từng đơn vị.

- Về việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

- Về tổ chức công tác doanh thu

Mọi nghiệp vụ kinh tế phát sinh về bán hàng đều được kế toán ghi nhận doanh thu một cách kịp thời, chính xác, đảm bảo nguyên tắc phù hợp khi ghi nhận giữa doanh thu và chi phí phát sinh. Việc theo dõi hạch toán doanh thu như hiện nay là cơ sở quan trọng để từng bước xác định kết quả hoạt động kinh doanh để từ đó có kế hoạch đúng đắn trong hoạt động kinh doanh của công ty.

- Về công tác kế toán chi phí

Chi phí là một vấn đề mà nhà quản lý luôn phải quan tâm, cân nhắc và luôn muốn tìm mọi cách để quản lý chặt chẽ chi phí nhằm tránh lãng phí, làm giảm lợi nhuận. Bởi vậy, công tác hạch toán chi phí tại công ty bước đầu đảm bảo được tính chính xác, đầy đủ và kịp thời khi phát sinh.

- Về công tác kế toán xác định kết quả kinh doanh

Công tác kế toán xác định kết quả hoạt động kinh doanh tại công ty đã phần nào đáp ứng được yêu cầu của Ban giám đốc công ty trong việc cung cấp thông tin về tình hình kinh doanh của công ty một cách kịp thời và chính xác. Việc ghi chép dựa trên căn cứ khoa học của chế độ kế toán hiện hành và tình hình thực tế của công ty.

3.1.2.Một số mặt hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Bên cạnh những thành tựu đạt được thì tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty vẫn còn nhiều tồn tại và bất cập cần khắc phục. Cụ thể:

Thứ nhất: Tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn kinh doanh rất nhiều mặt hàng cơ khí, xây dựng khác nhau về chủng loại, mẫu mã... Trong khi

đó kế toán tại công ty không mở sổ chi tiết theo dõi doanh thu, giá vốn riêng cho từng loại hàng hóa từ đó gây khó khăn cho việc theo dõi doanh thu, giá vốn riêng của từng loại hàng hóa và xác định lợi nhuận gộp của từng mặt hàng. Mặt khác, công ty cũng không mở sổ chi tiết cho TK 642 nên không theo dõi chi tiết từng yếu tố chi phí phát sinh cho từng tài khoản này.

Thứ hai: Công ty vẫn chưa có phần mềm kế toán nên việc xử lý các số liệu và tính toán vẫn còn gặp nhiều khó khăn, tốn nhiều thời gian, nhân lực, công sức... Công việc kế toán chủ yếu được tiến hành bằng thủ công và thực hiện trên Excel. Do vậy, các công thức tính toán khi sao chép từ sheet này sang sheet khác có thể bị sai lệch. Điều này ảnh hưởng đến độ chính xác của các báo cáo tài chính, ảnh hưởng đến hiệu quả kinh doanh của công ty.

Thứ ba: Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng, công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn. Kế toán phải thường xuyên theo dõi một phần tài sản của công ty đang trong quá trình thanh toán, hoặc cũng có thể không thanh toán được.

3.2 Một số đề xuất nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn.

3.2.1.Tầm quan trọng của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty.

Đối với doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực thương mại, daonh thu chi phí và xác định kết quả kinh doanh là khâu cuối cùng trong quá trình kinh doanh của doanh nghiệp, vì vậy nó có vai trò rất quan trọng.

Thực trạng kế toán nói chung: kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng tại các doanh nghiệp ở Việt Nam hầu hết chưa thể hiện đầy đủ nhiệm vụ của mình. Xác định đúng doanh thu và kết quả hoạt động của công ty sẽ cho biết doanh nghiệp đó hoạt động ra sao, có hiệu quả hay không. Đồng thời là cơ sở để các cán bộ lãnh đạo điều chỉnh được hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng doanh thu và hạ chi phí. Mặt khác, xác định được mục tiêu,

chiến lược phát triển, phương hướng hoạt động của công ty trong tương lai. Do vậy, hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh có ý nghĩa rất quan trọng.

3.2.2.Ý nghĩa của việc hoàn thiện những hạn chế trong công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Đối với công ty nền quản lý tốt công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh sẽ giúp các nhà quản trị quản lý, theo dõi được tình hình tiêu thụ và sử dụng chi phí kinh doanh của toàn công ty. Từ đó, công ty sẽ có những biện pháp để thúc đẩy tiêu thụ, kiểm soát chặt chẽ chi phí, xác định kết quả kinh doanh một cách chính xác, phân phối thu nhập cho người lao động một cách hợp lý, làm cho người lao động hăng say hơn trong công việc.

Đối với công tác kế toán, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là một phần quan trọng, nó thể hiện kết quả kinh doanh cuối kỳ của doanh nghiệp. Vì thế việc hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả hoạt động kinh doanh sẽ giúp kế toán đưa ra những thông tin chính xác hơn và tạo niềm tin cho nhà quản trị khi sử dụng thông tin kế toán.

3.2.3.Điều kiện thực hiện các biện pháp hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn.

Trong cơ chế thị trường, công tác kế toán ngày càng thể hiện vai trò quan trọng trong việc quản lý nền kinh tế nói chung và trong mỗi doanh nghiệp nói riêng. Vì vậy, vấn đề hoàn thiện tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh là sự cần thiết khách quan và cần phải dựa vào một số nguyên tắc sau đây:

- Hoàn thiện trên cơ sở tôn trọng cơ chế tài chính, tôn trọng chế độ kế toán.
- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở phù hợp với hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp.
- Hoàn thiện phải đảm bảo đáp ứng được thông tin kịp thời, chính xác phù hợp với yêu cầu quản lý.
- Trên cơ sở những yêu cầu của việc hoàn thiện và thực trạng kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kế quả kinh doanh trong công ty.

3.2.4.Một số giải pháp nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí

và xác định kết quả hoạt động kinh doanh

3.2.4.1.Hoàn thiện hệ thông sổ chi tiết tại công ty

Hiện nay, khi hạch toán doanh thu, giá vốn công ty mới chỉ mở sổ kế toán tổng hợp (Sổ Nhật ký chung, Sổ Cái) chưa mở sổ chi tiết để theo dõi doanh thu, giá vốn của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng).

Công ty nên sử dụng sổ chi tiết bán hàng (Biểu số 3.1), sổ chi tiết giá vốn (Biểu số 3.2) giúp kế toán nắm được doanh thu tiêu thụ và giá vốn của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), từ đó xác định được lãi gộp đối với từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) giúp nhà quản lý có thể đưa ra chiến lược kinh doanh phù hợp.

Bên cạnh đó, công ty chưa mở sổ chi tiết để theo dõi từng yếu tố chi phí trong khoản mục chi phí quản lý kinh doanh. Công ty nên sử dụng sổ chi phí sản xuất kinh doanh (Biểu số 3.2) giúp kế toán theo dõi được thường xuyên liên tục các khoản chi phí phát sinh theo yếu tố chi phí giúp công ty quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, đưa ra biện pháp cắt giảm chi phí góp phần tăng lợi nhuận.

Căn cứ vào Sổ chi tiết bán hàng và Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632 – chi tiết cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), ta xác định được lợi nhuận gộp của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng). Để xác định chính xác kết quả kinh doanh cuối cùng cụ thể cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng), ta lấy lợi nhuận gộp trừ đi chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng). Ta có thể phân bổ chi phí quản lý kinh doanh theo tiêu thức doanh thu thuần với công thức sau:

$$\text{Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho mặt hàng (nhóm mặt hàng) A} = \frac{\text{Tổng chi phí quản lý kinh doanh thực tế phát sinh}}{\text{Tổng doanh thu thuần của tất cả các mặt hàng}} \times \text{Doanh thu thuần của mặt hàng (nhóm mặt hàng) A}$$

Sau khi phân bổ chi phí quản lý kinh doanh ta lập Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) (Biểu 3.3). Để theo dõi kết quả kinh doanh cuối cùng của từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) kế toán có thể mở sổ chi tiết cho TK 911 (Biểu 3.4)

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC thay

thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 01/01/2017. Do đó, Công ty có thể tham khảo mẫu Sổ chi tiết bán hàng , Sổ chi phí sản xuất kinh doanh và Sổ chi tiết các TK theo như hướng dẫn trong Thông tư 133/2016/TT-BTC như biểu 3.1; biểu 3.2 và biểu 3.4.

Ví dụ minh họa:

Với nghiệp vụ bán hàng tại ví dụ 1 và ví dụ 3 chương 2 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết bán hàng và sổ chi tiết giá vốn cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng) cụ thể.

Căn cứ vào Hóa đơn số 0000612, kế toán vào sổ chi tiết bán hàng - đĩa cưa **(Biểu 3.5)**. Căn cứ vào phiếu xuất kho 261, kế toán vào sổ chi tiết giá vốn - đĩa cưa **(Biểu 3.6)**.

Với nghiệp vụ thanh toán tiền điện thoại tại ví dụ 5 chương 2 ngoài việc ghi chép vào sổ sách đã trình bày, kế toán nên ghi bổ sung vào sổ chi tiết chi phí mở cho TK 6422.

Căn cứ vào Hóa đơn số 5591, kế toán vào sổ chi tiết chi phí mở cho TK 6422 **(Biểu 3.7)**.

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S16-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm (hàng hóa, dịch vụ, bất động sản đầu tư) Mã hàng hóa:

Năm:

Quyển số:…….

Ngày tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**Tài khoản đối ứng**	**Doanh thu**			**Các khoản giảm trừ**	
	Số hiệu	**Ngày tháng**			**Số lượng**	**Đơn giá**	**Thành tiền**	**Thuế**	**Khác**
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.1 - Sổ chi tiết bán hàng

Đơn vị:.....

Địa chỉ:.....

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

(Dùng cho các tài khoản 154, 631, 642,242,632)

Tài khoản:…….

Tên phân xưởng:……

Tên sản phẩm, dịch vụ:…….

Ngày tháng ghi sổ	**Chứng từ**		**Diễn giải**	**TK đ/ư**	**Ghi nợ TK……**					
	SH	**Ngày**			**Tổng số tiền**	**Chia ra**				
						…	**…**	**…**	**…**	**…**
			Số dư đầu kỳ							
			Số phát sinh trong kỳ							
			Cộng phát sinh trong kỳ							
			Ghi Có TK …							
			Số dư cuối kỳ							

Ngày … tháng … năm …

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.2 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Đơn vị: ……..

Địa chỉ: ……...

BẢNG TỔNG HỢP KẾT QUẢ KINH DOANH TỪNG MẶT HÀNG (NHÓM MẶT HÀNG)

Năm :

STT	Tên hàng hóa (nhóm hàng hóa)	Doanh thu thuần	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp	Chi phí quản lý kinh doanh phân bổ cho từng mặt hàng (nhóm mặt hàng)	Kết quả kinh doanh
	….					
	Cộng					

Ngày ..... tháng .....năm .....

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.3 – Bảng tổng hợp kết quả kinh doanh từng mặt hàng (nhóm mặt hàng)

Đơn vị: ……..

Địa chỉ: ……..

Mẫu số: S19 - DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT CÁC TÀI KHOẢN
(Dùng cho các TK: 138, 141,……..911)

Tên tài khoản:…….Số hiệu:…….

Đối tượng:……..

Ngày tháng ghi sổ	CHỨNG TỪ		DIỄN GIẢI	TK đối ứng	SỐ PHÁT SINH		SỐ DƯ		GHI CHÚ
	Số hiệu	Ngày tháng			Nợ	Có	Nợ	Có	
1	2	3	4		5	6	7	8	9

- Sổ này có ……trang, đánh số từ trang 01 đến trang…..
- Ngày mở sổ :……

Ngày ... tháng ... năm ...

Người ghi sổ **Kế toán trưởng**

Biểu 3.4 - Mẫu Sổ chi tiết tài khoản 911

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Mẫu số S16-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT BÁN HÀNG

Tên sản phẩm: Đĩa cưa

Năm: 2016

Ngày tháng ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	Tài khoản đối ứng	Doanh thu			Các khoản tính trừ	
	Số hiệu	Ngày tháng			Số lượng	Đơn giá	Thành tiền	Thuế	Khác
A	B	C	D	E	1	2	3=1x2	4	5
			……						
5/10/2016	HD612	5/10/2016	Bán hàng cho công ty TNHH TM Thành An	112	200	637.500	127.500.000		
			…….						
			Cộng số phát sinh -Doanh thu thuần -Giá vốn hàng bán -Lãi gộp						

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.5 – Sổ chi tiết bán hàng (Đĩa cưa)

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 632

Tên sản phẩm, dịch vụ: Đĩa cưa

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ TK 632		
	SH	Ngày			Tổng số tiền	Số lượng	Đơn giá
			Số phát sinh trong kỳ				
			……				
5/10/2016	**PX261**	**5/10/2016**	**Giá vốn đĩa cưa bán cho cty TNHH TM Thành An**	**156**	**118.189.200**	**200**	**590.946**
			…….				
			Cộng phát sinh trong kỳ				
			Ghi Có TK …				
			Số dư cuối kỳ				

Ngày … tháng … năm …

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.6 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 632

Đơn vị: Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Mẫu số S17-DNN

(Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH

Tài khoản: 6422 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Năm 2016

Ngày ghi sổ	Chứng từ		Diễn giải	TK đ/ư	Ghi nợ tài khoản 6422					
	SH	Ngày			Tông số tiền	Chia ra				
						6422.1	6422.2	…	6422.7	6422.8
			……							
10/12	PC 368	10/12	Thanh toán tiền điện thoại T11	111	1.256.338				1.256.338	
			……							
			Cộng phát sinh							

Người ghi sổ
(Ký, họ tên)

Ngày ..... tháng .....năm .....
Kế toán trưởng
(Ký, họ tên)

Biểu số 3.7 - Sổ chi phí sản xuất kinh doanh mở cho TK 6422

3.2.4.2.Ứng dụng công nghệ thông tin vào công tác kế toán

Công ty nên sử dụng phần mềm kế toán để tạo điều kiện tốt nhất cho kế toán viên hoàn thành nhiệm vụ của mình và đưa ra những thông tin kế toán chính xác và kịp thời hơn. Trên thị trường hiện nay có rất nhiều phần mềm kế toán như

Phần mềm Kế toán Doanh nghiệp vừa và nhỏ MISA SME.NET 2017

MISA.NET2015 giá: 8.950.000 đồng

MISA.SME.NET 2017 là phần mềm kế toán cho phép doanh nghiệp thực hiện các nghiệp vụ: Quỹ, Ngân hàng, Mua hàng, Bán hàng, Thuế, Kho, TSCĐ, CCDC, Giá thành, Hợp đồng, Ngân sách, Cổ đông, Tổng hợp. Phần mềm tự động lập các báo cáo thuế có mã vạch và quản lý chặt chẽ hóa đơn tự in, đặt in, điện tử theo đúng quy định của Tổng cục Thuế

Phần mềm kế toán thương mại SMART

Giá: 3.000.000 đồng

Chức năng phần mềm kế toán thương mại SMART:

+ Theo dõi doanh thu theo vùng miền, theo nhóm khách hàng

+ Khai báo đơn giá bán theo vùng và theo nhóm đối tượng

+ Theo dõi chi tiết và tổng hợp công nợ theo từng tài khoản, từng khách hàng, từng hợp đồng, từng hóa đơn, theo hàng hóa, in bảng đối chiếu và xác nhận công nợ, báo cáo lịch thu tiền…

+ Theo dõi hàng tồn kho theo mặt hàng, theo lô và hạn sử dụng, theo nhiều kho,

xử lý đơn giá hàng tồn kho theo nhiều phương pháp khác nhau….

1C – Phần mềm kế toán doanh nghiệp

1C cung cấp những dịch vụ tiện ích cho khách hàng sử dụng các giải pháp trên nền tảng 1C – Doanh nghiệp - Hỗ trợ thông tin công nghệ. Mục đích của việc hỗ trợ này chính là cung cấp tới người sử dụng những phương pháp luận trong công tác kế toán, kỹ thuật tự động hàng hóa, hướng dẫn các phần hành mới. Cập nhật các quy định pháp luật về thuế, các quy định về kinh doanh và các quy định khác.

3.2.4.3.Hoàn thiện việc lập dự phòng phải thu khó đòi tại công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn

Hiện nay công ty có một số khách hàng quá hạn thanh toán trong khi đó công ty chưa tiến hành trích lập khoản dự phòng phải thu khó đòi. Đây là một bất lợi lớn vì công ty là một doanh nghiệp thương mại với quy mô các khoản phải thu khách hàng là khá lớn, bên cạnh đó để thu hút khách hàng công ty có chính sách bán trả chậm nên việc gặp phải rủi ro khi không thu hồi được nợ có khả năng xảy ra rất lớn.

- Phương pháp lập dự phòng:

Doanh nghiệp phải dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra hoặc tuổi nợ quá hạn của các khoản vay nợ và tiến hành lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, kèm theo các chứng từ chứng minh các khoản nợ khó đòi trên. Trong đó: Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán, mức trích lập dự phòng như sau:

Thời gian quá hạn thanh toán	**Mức dự phòng trích lập**
6 tháng ≤ T ≤ 1 năm	30% giá trị nợ phải thu quá hạn
1 năm < T < 2 năm	50% giá trị nợ phải thu quá hạn
2 năm < T < 3 năm	70% giá trị nợ phải thu quá hạn
T > 3 năm	100% giá trị nợ phải thu quá hạn

Đối với nợ phải thu chưa đến hạn nhưng khách hàng nợ đã rơi vào tình trạng phá sản hoặc làm thủ tục giải thể, bị cơ quan pháp luật truy tố,…thì doanh nghiệp quy định mức tổn thất không thu hồi được để lập dự phòng. Sau khi lập dự phòng cho các khoản nợ phải thu khó đòi, doanh nghiệp tổng hợp toàn bộ phần dự phòng vào bảng kê chi tiết để làm căn cứ hạch toán chi phí QLKD.

Tài khoản sử dụng:

Theo Quyết định 48/2006/QĐ-BTC để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 1592- Dự phòng phải thu khó đòi

Ngày 26/08/2016 Bộ Tài chính ban hành Thông tư 133/2016/TT-BTC thay thế cho Quyết định 48/2006/QĐ-BTC từ ngày 01/01/2017. Theo Thông tư 133 thì để theo dõi các khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi kế toán sử dụng TK 2293- Dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán trích lập phải thu khó đòi được thể hiện qua sơ đồ sau (theo hướng dẫn của Thông tư 133):

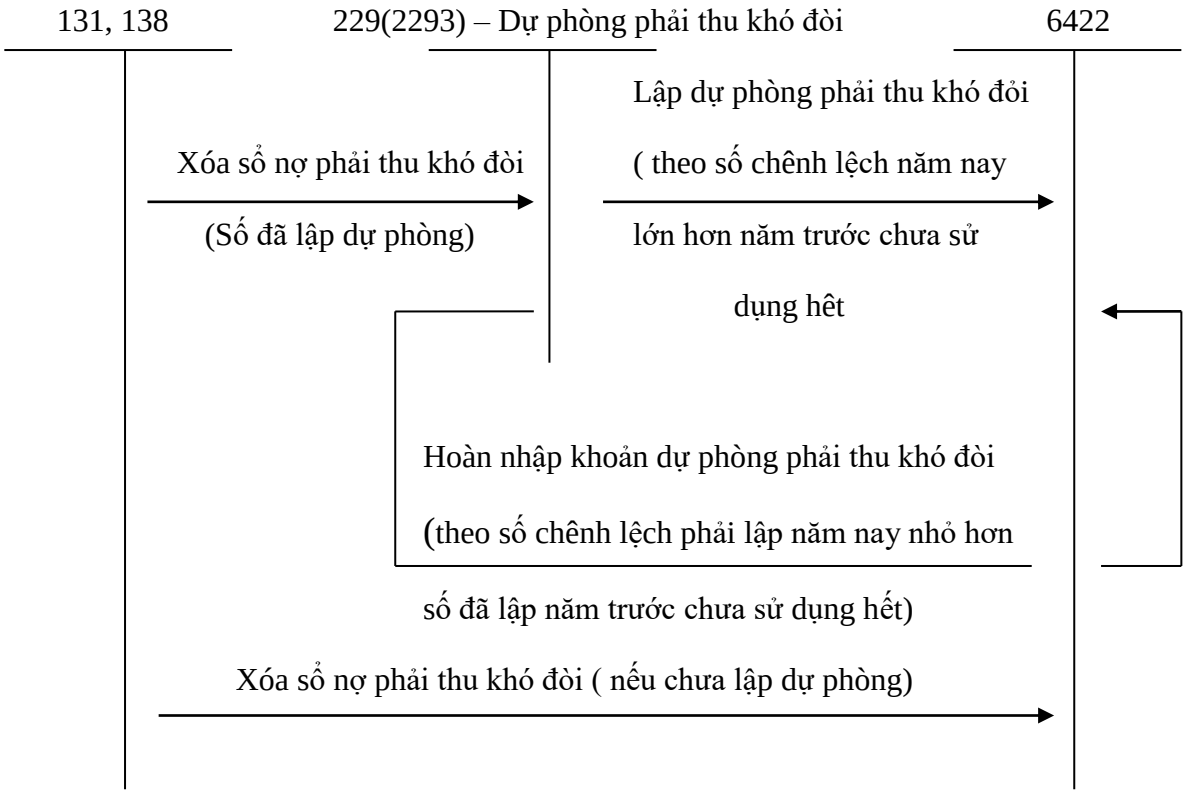

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI BÙI NGUYỄN

30/11 Trần Bình Trọng, Lương Khánh Thiện, Ngô Quyền, Hải Phòng

BẢNG KÊ CÔNG NỢ

Tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2016

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Chưa đến hạn	Đến hạn	Quá hạn	Ghi chú
Công ty TNHH TM xây dựng Anh Minh	52.300.000	52.300.000			
Công ty TNHH Phúc Minh	106.243.884			106.243.884	17 tháng 5 ngày
Công ty TNHH TMXD cơ khí Hoàng Ngân	137.445.980			137.445.980	14 tháng 9 ngày
Công ty TNHH Quốc Cường	93.025.881			93.025.881	7 tháng
Công ty CP Trung Hạnh	72.800.000		72.800.000		
……..					
Tổng cộng	1.103.361.486	**332.300.000**	**434.345.741**	**336.715.745**	

Biểu 3.7 – Bảng kê công nợ tính đến ngày 31/12/2016

BẢNG KÊ TRÍCH LẬP DỰ PHÒNG PHẢI THU KHÓ ĐÒI

Năm 2016

Tên khách hàng	Số tiền nợ	Thời gian quá hạn thanh toán	Tỷ lệ trích lập	Số cần lập dự phòng
Công ty TNHH Phúc Minh	106.243.884	17 tháng 5 ngày	50%	53.121.942
Công ty TNHH TMXD cơ khí Hoàng Ngân	137.445.980	14 tháng 9 ngày	50%	68.722.990
Công ty TNHH Quốc Cường	93.025.881	7 tháng	30%	27.907.764
Tổng cộng	**336.715.745**			**149.752.696**

Biểu 3.8 – Bảng kê trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Kế toán định khoản: Nợ TK 6422 : 149.752.696

Có TK 2293 : 149.752.696

Kế toán lập Phiếu kế toán cho nghiệp vụ trên và ghi vào Sổ nhật ký chung và Sổ cái.

3.2.4.4. Một số kiến nghị khác

Bộ phận kế toán thường xuyên có những buổi họp để trao đổi, phổ biến kiến thức chuyên môn, cập nhật thông tin kế toán mới để có sự phối hợp nhịp nhàng, ăn ý giữa các nhân viên kế toán nhằm nâng cao năng suất hoạt động, phù hợp với giai đoạn tăng cường các hoạt động kinh doanh của công ty hiện nay.

Công ty nên tiếp cận các chuẩn mực kế toán quốc tế, chọn lọc và áp dụng phù hợp với tình hình thực tế của doanh nghiệp và chuẩn mực kế toán hiện nay của Việt Nam.

Hiện nay, công ty chỉ mới phân tích kết quả hoạt động kinh doanh ở mức so sánh chênh lệch của các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính như Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh mà chưa tổng hợp các chỉ tiêu để có thể nhìn thấy rõ tình hình tài chính của công ty. Vì vậy theo em, công ty nên lập bảng tổng hợp các chỉ tiêu về tài chính để có cái nhìn khái quát hơn.

KẾT LUẬN

Hiện nay, trong điều kiện nền kinh tế ngày càng khó khăn, mỗi doanh nghiệp không những phải đối mặt với sự cạnh tranh gay gắt trên thị trường mà còn là sự giảm mạnh của nhu cầu tiêu dùng hàng hóa. Kết quả kinh doanh của mỗi doanh nghiệp có tính chất quyết định đối với sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp đó. Vì vậy, công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh càng phải được tổ chức tốt, đảm bảo phản ánh, ghi chép một cách đầy đủ, chính xác tình hình hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Những thông tin này sẽ giúp các nhà quản trị doanh nghiệp đưa ra các quyết định kinh tế phù hợp nhằm nâng cao kết quả sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp mình.

Qua quá trình thực tập tại Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn, em nhận thấy công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh ở Công ty thực hiện khá đầy đủ và đảm bảo đúng chế độ tài chính kế toán do Nhà nước quy định. Tuy nhiên công tác vẫn còn tồn tại một số điểm hạn chế nhất định. Để kế toán thực sự là công cụ quản lý không thể thiếu, Công ty nên tiếp tục hoàn thiện tổ chức công tác kế toán, đặc biệt là kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.

Vì thời gian và kiến thức có hạn nên bài viết của em chắc chắn không tránh khỏi thiếu sót, em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô và các bạn để bài viết được hoàn thiện hơn.

Một lần nữa em xin chân thành cảm ơn Ban lãnh đạo cùng các bác, các cô và các chị trong phòng Kế toán của Công ty và cám ơn sự giúp đỡ tận tình của giáo viên hướng dẫn – Thạc sỹ Nguyễn Thị Mai Linh đã giúp đỡ em rất nhiều để hoàn thành bài khóa luận này.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày 30 tháng 06 năm 2017

Sinh viên

Nguyễn Phương Thảo

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 1 Hệ thống tài khoản kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.

2. Bộ tài chính (2016), *Chế độ kế toán doanh nghiệp vừa và nhỏ quyển 2 Báo cáo tài chính, chứng từ, sổ sách kế toán và sơ đồ kế toán*, Nhà xuất bản Tài chính.

3. Bộ tài chính (2001), *Quyết định số 149/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 về việc ban hành và công bố 4 chuẩn mực kế toán Việt Nam*

4. Công ty TNHH thương mại Bùi Nguyễn (2016), *Sổ sách kế toán Công ty.*